

Yêu s không ngoan, nh là m t ph n c a triết h c. Chính nh triết h c m i m r ng đ ng cho t t ng.

Tholichsu.com xin gi i thi u thêm v JASPERS, ông là triết gia tiêu bi u cho ch nghĩa hi n sinh.

Có th nói, ngoài Soren Kierkegaard, Friedrich, Nietzsche, Heidegger...Jaspers giúp chúng ta có cách th c suy t m i m và hình nh con đ ng nh n th c v vũ tr huy n bí l i m r ng h n ra. (B n đ ch c a GS Lê Tôn Nghiêm).

Triết lý c a Jaspers_ m t trong nh ng khuynh h ng c b n c a triết h c hi n sinh – và riêng b n đ ch này cũng đáng đ c li t vào s nh ng th th c suy t minh b ch, có h th ng vĩ đ i c a nh ng th k đ i tr c. H n n a l i suy t này còn v t xa h n truy n th ng cũ ch chúng đã dám m o hi m vào nh ng mi n sâu, bí n ch a t ng khai thác. V i m t bi n ch ng sâu s c, tinh vi, chúng đã đi vòng theo nh ng u n khúc quanh c a hi n sinh đ mô t nh ng gì h u nh không mô t n i. Nên l i l p lu n đ đây đã tr nên quá ph c t p, chi ly!
□□□□□□□□□□□□□□□□

Ngoài nh ng giá tr suy t v a nói, triết lý c a Jaspers l m khi th hi n ra nh m t bài h c hay kinh nghi m đ o đ c cao siêu và phóng khoáng. Vì v i m i trình bày hay miêu t v m t khía c nh nào v hi n sinh, tác gi cũng đ ng th i nêu lên m t hình nh đ o đ c đ khích l chúng ta v n lên nh ng khuynh h ng siêu vi t thâm sâu, Nh ng ph i nói ngay r ng: đây không ph i m t th đ o đ c ngo i t i, phi n di n hay t ng quát mà là m t th đ o đ c xuyên t i. Có th nói đây là "đ o t i tâm"□□□□□□□□□□□□□□□□

Tóm l i, đ đây ng i đ c v a h c triết lý l i v a s ng triết lý mình h c. Th c v y, m i l n đ c l i nh ng trang "Triết h c nh p môn" là m t l n trí khôn và tâm h n nh đ c t m l i trong m t s c s ng và suy t m i□□□□□□□□□□□□□□□□

Những giá trị trên, Jaspers đã đúc kết ở Nguồn sống và Hiện sinh. Vì thế ông đã đúc kết xem là một triết gia Hiện sinh sâu sắc và quân bình nhất. Với mục đích hiểu ông một cách thấu đáo, ta cần ôn lại một ít điểm then chốt trong triết học của ông và đáng chú ý gì về nghĩa những ý tưởng đã đúc kết ông khai triển trong "triết học nhân môn".

Những trích dẫn xin nói qua về thân thế và những sáng tác của ông:

Karl Jaspers sinh ngày 23 tháng 12 năm 1883 tại Oldenburg, nước Đức; ông đã học luật khoa tại Heidelberg và München từ 1901- 1902. Rồi ông làm theo y khoa tại Berlin, Göttingen và Heidelberg từ 1902-1907. Ở đây ông đã trình luận án tiến sĩ với đề tài: Heimweh und Verberchen (Nostalgie et Criminalite) vào năm 1909. Sau đó, ông đã được cử làm phó khoa Y khoa, ngành Tâm thần học ở Heidelberg. Năm 1913, ông được thăng chức giảng viên về môn tâm lý học.

Những sau chính con đường Y khoa và Tâm lý học đã dẫn đến ông khám phá những uẩn trong cuộc sống của con người, nên năm 1916, ông đã được mời làm Giáo sư người đầu tiên, rồi Giáo sư thực thụ về Triết học tại Heidenberg đúng năm 1921. Những vào năm 1937, vì lý do chánh trị, ông đã bị phong trào Đức quốc xã hủy bỏ chức. Trong thời kỳ ông đã không được phép xuất bản gì cả. Mãi tới năm 1945 ông mới được tái chức và năm 1946 ông được tặng chức " K
lão danh đức"
(Ehrensenator) ở Đức ở Heidelberg.
"

Theo tiêu đề trên, ta thấy trích dẫn Jaspers không phải là một triết gia mà là một nhà Tâm thần học. Quyển Allgemeine Psychopathologie: Tâm thần học tổng quát (x.b năm 1913) là một tuyển luận quan trọng mà ngày nay vẫn được coi là một căn bản trong vấn đề. Tiếp đó quyển Psychologie der Weltanschauungen: Tâm lý học về những Vũ trụ quan (x.b năm 1919) . Quyển này chỉ một đề tài và rất quan trọng trong việc hình thành tư tưởng triết lý hiện sinh của ông. Ở đây đã thấy rõ những ảnh hưởng của tư tưởng Kierkegaard lên tư tưởng của ông nên không lạ gì khi đề cập ông người ta có cảm tưởng như đề cập một bài chú giải sâu sắc về triết của Kierkegaard.
"

Ngoài Kierkegaard, còn nhiều triết gia khác đã ảnh hưởng không ít trên sự hình thành và

phát triển từ những nhà Jaspers, ví dụ Plotin, Kant, Fichte, Schelling hay Nicolas de Cuse, Giordano Bruno và Spinoza ..v.v..Hầu hết các triết gia đều coi thiên vị khuynh hướng Phi m thần (Pantheisme) và Huyền ni m (Mystique)

Hơn nữa, Jaspers còn đi chi u từ những nhà ông với từ những nhà Nietzsche và nhà Descartes. Theo ông, Nietzsche là một Hi n sinh ngoạn i (Ausanhme) như Kierkegaard và cũng là một “khích l m đ u” cho triết lý hi n sinh. Với Descartes, Jaspers nhận thấy ông này đã khám phá ra được những nguyên lý tuy t với khi ông “hoài nghi” và “ suy t ng”, nhưng vì Descartes, đã không trung thành với chính “ ngu n su i” y thành ra những nguyên lý kia bị g m ng p đi trong thái độ võ đoán chủ t h p.

□□□□□□□□□□□□□□

Tóm l i, Jaspers đã khéo t ng h p được những khuynh hướng triết lý r t khác nhau y đ ti n đ n với những triết h c hi n sinh. Năm 1932 ông đã cho xuất b n b sách l n g m 3 quy n nhan đ PHILOSOPHIE. B sách vĩ đ i PAHIR được coi là tr ng tâm t t ng c a ông, vì đây những l p tr ng căn b n với hi n sinh và

nh ng v n đ liên quan đ n truy n th ng triết lý Hy L p và Tây phương đã đ c ho ch đ nh c . Nghĩa là 15 năm sau khi biên soạn quy n Von der Wahrheit (b n v s th c) và b Philosophische Logik (Lu n lý triết h c), ông v n còn trung thành với những l p tr ng c a b Tri t h c đó.

□□□□□□□□□□□□□□

Ngoài ra còn ph i k đ n một số sáng tác như h n xem ra h i xa với vi n t ng Hi n sinh, những th c s cũng giúp hi u những chi ti t ph thu c c a những vi n t ng y, ví dụ quy n Die geistie Situation der Zeit (Hi n tr ng tinh th n th i đ i) và quy n Vom Ursprung und Ziel der Geschichte (Ngu n g c và Ý h ng L ch s). Riêng quy n sau đã đ c trình bày thêm một ph n ng n g n trong bài vi t này

T đó tr đi, ông còn khai tri n thêm từ những nhà ông nh p vào những t p nh , ph n l n g m những bài văn s u t p l i nh : Verunf und Exitenz (Lý tính và Hi n sinh); Existenzphilosophie (Tri t lý Hi n sinh); Derphilosophische Glaube (Ni m tin triết lý) và Einfiihrung in die Philosophie "Tri t h c nh p môn" c a chúng ta đây.

Với t ng y sáng tác, s nghi p từ những nhà Jaspers qu đã là một công trình l n lao quan tr ng.

□□□□□□□□□□□□□□

Bây giờ chúng ta hãy đi vào công việc phân tích tác phẩm của ông. Để tóm tắt có thể nói toàn bộ sáng tác của Jaspers được đúc kết trong ý tưởng then chốt sau đây:
“Thuyết kỹ thuật có Hư”

Câu trên xem ra có thể mâu thuẫn với những điều vừa trình bày sơ lược và có lẽ còn gây thắc mắc trong những ai đã quen thuộc với việc nghiên cứu sinh của Jaspers từ trước tới nay, nhất là khi việc nghiên cứu lý tưởng của ông được hiểu qua những ý tưởng như : sống trong tù công nhân, tội do, bị đát, thuyết bất tử, sự tử, sự tính, tha nhân v.v..
□□□□□□□□□□□□□□

Những căn cứ trên những sáng tác sau này của ông, nhất là quyển “Về sự thật chúng ta sống cùng triết lý hiện sinh” của Jaspers cũng không xa gì lắm với truyền thống “Triết lý vĩnh cửu” (Philosophia perennis) mà ông thường nhắc đi nhắc lại. Trong triết học nhân phẩm, ví dụ, ông viết “Như thế đã rõ, điều hình thức mất vài truyền thống giáo dục và học vấn, triết lý xuất hiện với bất kỳ ai cũng con nít. Tuy nhiên, việc suy diễn triết học đòi hỏi phải có góc liên lạc, và phải bắt đầu lại luôn mãi mỗi khi chúng ta đi đến hình thức mới của những học thuyết...”

Hay: “Ngoài truyền kinh nghiệm Huygenius, là kinh nghiệm bất khả diên tục, còn mỗi khi chúng ta đi đến điều kiện đích nói trên (là vượt mặt hình thức khách thể để nhìn sự Hư của nó), ta không được lý khai với cuộc đời. Trái lại, phải ở trong truyền gian, tức là phải sống động lại bị khách quan, vì chính đó, ý thức chúng ta mỗi sáng tạo. Vì chính sự khúc chiết, triết học kỹ thuật và công nghệ được những giá trị của mình”.

□□□□□□□□□□□□□□
Như thế cũng đã hé lộ ý tưởng: tuy triết lý Jaspers thì tuy có tính cách hiện sinh, những điều ông nói cũng có tính cách suy lý. Thuyết kỹ thuật năm 1935 trước đi Jaspers đã minh chứng rõ ràng truyền thống này, nghĩa là theo đúng con đường của Kierkegaard và Nietzsche “những con người ngoài đời” là hiện sinh chứ là hiện sinh để đi dạo, riêng tư, cô đơn, bí hiểm, nên bất khả diên tục bất cứ bằng ngôn ngữ hay luận lý nào. Cùng lắm chỉ trình bày hiện sinh bằng “ký số thuật” hay bằng những “cách ngôn” (Aphorismes) ghi lại theo truyền thống của cuộc đời.

□□□□□□□□□□□□□□
Nên theo Jaspers, hiện sinh ngoài đời chỉ có nhiệm vụ “khích lệ kỹ thuật”. Còn nhiệm vụ của những triết gia truyền thống Hy Lạp là phải trình bày hiện sinh một cách mạch lạc và học thuật. Như vậy, mặc nhiên phải công nhận một luận lý nào đó. Vì thế ông đã viết: “Không phải những con người ngoài đời, những chúng ta phải triết lý về việc con người nhìn ngoài đời”. Qua câu nói này, rõ ràng ông đã chú ý học hỏi hai nhiệm vụ cho một triết gia thời nay. Một là phải căn cứ

trên Hiện sinh mà suy tư cho sâu xa, thâm trầm và linh động, chứ không được căn cứ trên

lý trí như triết gia. Hai là phải suy nghĩ cho có mục đích. Nhưng vì Hi Lạp sinh là một đấng
triết gia phải có, u u nên triết gia phải có một thứ luân lý triết gia đi kèm.

Vì vậy, tuy triết lý hi Lạp sinh thế giới là lý và phải nhận ra thế giới như một
kết cùng nó cũng vẫn yêu sách một thế giới thế giới, tuy đó là cái gì mà danh từ hi Lạp khác
là “Systematik”.

Nói tóm, chủ đích của Jaspers là mục đích của triết gia Lý trí và Hi Lạp sinh.
Nên nhiệm vụ của triết gia đó là một cuộc triết gia Nền tảng của Lý trí

Vì vậy, ngay ở đây đã có thể nói rằng: Triết lý của Jaspers đi quanh
một con đường khác, khá dài dòng để rồi cuối cùng là triết lý triết gia
truyền thống của hi Lạp sinh, trong đó một thế giới khác nhau nhưng cùng theo đuổi một
chủ đích duy nhất là tìm kiếm Hư (le probleme de l’etre). Và song song với việc tìm kiếm Hư
còn phải tìm kiếm Thế. Như thế đã

rõ, bằng trăm ngàn năm, một thế giới triết gia quay về triết gia

Parmenide, người đầu tiên đã học được con đường Chân lý và triết gia
(le chemin de l’Aletheia).

Tóm lại, việc tìm kiếm Hư và Thế hay Thế và Hư đã là và mãi mãi còn là
việc tìm kiếm muôn thuở cho khuynh hướng triết lý Hi Lạp sinh và Tây phương.

Qua bài trình bày về Hư và những cách thái thế theo bao dung triết gia
Jaspers ta sẽ nhận ra chân lý ra đời đó. Nhưng trong bài viết này chúng tôi chỉ có thể trình
bày những cách thái Thế đi song song với những cách thái Hư

Trong bối cảnh triết gia, Jaspers đã trình bày 3 bình diện thế thành 3 quy

khác nhau là: Thế triết gia triết gia hay Thế vật (Objektsein) rồi đến Thế tôi hay Thế hi Lạp sinh
(Ichsein) cuối cùng là Thế Tôi (An-sich-sein) để có thể coi như cái đích mà triết gia
quy về.

Phân sát toàn thế thành những bình diện khác nhau như vậy Jaspers đã đem ý
chúng ta đi những khuynh hướng thế (Ontologies) của, vì những khuynh hướng này
đã mục đích của triết gia đã triết gia và duy có một loại thế nào đó, như ông viết
trong Triết gia triết gia môn rằng: “Việc tìm kiếm triết gia là việc tìm kiếm: Thế thế nói chung
là gì? Thoạt tiên ta thấy muôn vàn thế vật: những thế vật trong thế giới hi Lạp sinh, những

hình ảnh vô tri, những sinh vật sống động, cảm nhận thế giới và cảm nhận gì hiện qua rời bỏ n... Trách nhiệm này, các triết gia đã nêu ra nhiều giả pháp khác nhau. Câu trả lời của nhất là câu của nhà triết học Thales: Tất cả là nước, tất cả đều do nước..

Tóm lại, để trả lời câu hỏi: sự sống theo tính cách sống là gì? mà thuyết trên đều cho lý thuyết sự sống đều có thù nào đó hiện có trong trần gian, rời coi nó là nguỵ nhiên sự sống khác

Như thế, theo Jaspers, các học thuyết hiện thế học cũ đã chỉ công nhận cho sự sống có một hình thái sống và do đó học cũng chỉ công nhận duy có một cách thái biệt sống. Lý do đó thế học gọi là biệt biệt Trung học hay đúng hơn, biệt biệt phân ly chế chế - khách chế

Nhưng Jaspers cho rằng những chế chế này đã lầm và ông hỏi: “Vấn đề gì nào? Tất cả học đã lầm đi chăng này là học đã biệt sự sống thành một sự sống ngoài tôi, một đời sống khách chế đời đời sống chế chế của tôi”. Theo những nhận xét trên, Jaspers đã chế chế đời sống hiện tại và giới hiện tại. Vấn đề ông quan niệm, sự sống phân biệt phân sáp ra làm nhiều mảnh, ít là thành 3 bình diện khác nhau, và trong mỗi bình diện còn phân biệt phân ra thành những cách thái sống khác nhau

nhận các học giới thế học gọi là triết lý của Jaspers là một triết học biệt phân sáp (Philosophie de l'etre dechire = die Zerissenheit de Seins) hay triết học sự sống đa tầng (Periechontologie).

Nhưng nếu sự sống tùy theo tầng bình diện cũng đa tầng, cũng phân biệt phân sáp thành nhiều loại khác nhau nghĩa là theo chế chế của Jaspers, tầng bình diện sự sống này sang bình diện sự sống khác, nhất là cách thái sống này sang cách thái sống khác không được dùng cùng một phương pháp nhận thức. Phương pháp ông đề nghị là: “Biệt biệt chế chế nguyên nguyên” (Transzendieren = Ur-sprung = Sprung)

Nhưng phân biệt biệt biệt phân sáp sống thành nhiều cách thái sống và song song với cách thái sống này lại có một cách thái triết học sống đã được ông đúc kết vào một quan niệm mà chính ông cũng công nhận là học khó hiểu. Đó là quan niệm BAO DUNG THẾ (das Umgreifende).

Từ năm 1935 trở đi với quyển Vernunft und Existenz, Jaspers đã thế học nói về quan niệm khúc mắc và bí ẩn này. Và mỗi ngày nó càng chi m một phần quan trọng trong thế học của ông. Vấn đề Bao dung thế là gì?

Nói chung, quan niệm Bao dung theo đã được nghĩ ra để chúng ta hiểu biết và lý luận theo khuôn khổ rõ ràng và khách quan, như là biết bằng Trung lập và phân ly ráo rít giữa chủ thể và khách thể. Nghĩa là ở đây, mặt tri giác, mặt ý thức, mặt tình cảm... của ta đều được quan niệm theo những khuôn khổ, hạn chế rõ ràng để trở thành những "ý thức minh bạch và khúc chiết" theo kiểu của Descartes chúng ta học. Vì bên ngoài và chung quanh mặt cái luôn luôn có mặt cái gì rằng rồi hình thành "bao quanh" (Bao dung) lý. Nói mặt cách chủ thể, mặt cái được thể hiện ra với ta như mặt trăng những đêm bầu "quầng trăng" vây quanh thành ra trăng không được rõ mà quầng trăng cũng không rõ. Jaspers thường nói rằng đó là mặt "chân trời" (Horizont) rằng hình thành bao quanh lý mặt cái.

Nếu mặt ý thức, mặt tri giác, mặt tình cảm đã như thế thì nhu cầu cái hợp lý cũng như thế và vấn đề hiểu hợp lý cũng như thế nữa, thì những gì được các học thuyết cũ như Hegel gọi là "toàn thể" (Totalite) không còn tính cách rõ ràng của chúng nữa. Vì bên ngoài chúng cũng có những chân trời bao dung hình thành vây quanh lý chúng. Đó là bao dung theo. Trong Vernunft und Existenz (Lý tính và hiện sinh), Jaspers đã định nghĩa bao dung theo mặt cách tiêu cực như sau " Toàn thể nào trở thành đối tượng tri thức bị hiểu cho ta... thì không còn là Toàn thể nữa ." (Alles, was uns Gegenstand wird,...its nicht Alles) .

Qua mặt điểu kiện thích trên, quan niệm bao dung theo được hiểu là mặt cái gì bao hàm chủ thể tri và khách thể hòa mặt, chứ không có sự phân ly, tách rời như trước. Trong triết học như môn ông cũng gọi nghĩa như vậy : Mặt khi, hình nhìn vào sự phân ly chủ thể - khách thể kia, ta thể hiện lên mặt ý nghĩa huyền bí : Vậy ý nghĩa này là gì? Thế chính là sự hiểu toàn diện. Những sự hiểu toàn diện này không phải đối tượng khách thể, cũng không bị ngăn chủ thể, mà là bao dung theo, thể hiện trong phân ly nói trên.

Những thoạt tiên trong tác phẩm Triết học, Jaspers mặt nói tới 3 bình diện hiểu; về sau được trung thành với các giáo sư lý trí và hiện sinh, ông đã phân sắp sự hiểu thành 4 cách thái hiểu cũng gọi 5 cách thái bao dung theo mà trong triết học như môn ông đã lược tóm như sau: "Đến đây tôi thú nhận không thể trình bày ý niệm về vấn đề này được nữa, chỉ tóm lược như sau : Được quan niệm là chính sự Hiểu. Bao dung theo mang tên Siêu việt thể (Tội hóa) hay Vũ trụ. Còn khi được quan niệm theo sự hiểu thể của chúng ta thì Bao dung theo lại mang tên: Chủ thể sinh tồn, Ý thức phổ quát và Tinh thần."

Vậy có thể nói : trong sự 5 cách thái bao dung theo này, có 2 cách thái không phải của hiện sinh là mặt người và chúng ta. Hai cách thái này là Vũ trụ ngoài đời và Siêu việt thể. Còn trong ta có 3 cách thái bao dung theo là Chủ thể sinh tồn; Ý thức phổ quát và tinh thần, rồi gồm cả ba là HIỆN SINH. Siêu việt thể là Hiểu-tồn-tồn sự được nói tới sau hết vì nó là tồn tại đích của bên chủ thể và vật.

Bây giờ hãy bắt đầu từ bình diệnthrop nh:

HU KHÁCH QUAN cũng gọi là công cụ thám hi m Vũ tr . Lãnh vực hu này bao hàm tất cả những gì th ng ngày ta bắt gặp, quan sát và tìm hi u b ng thái đ tri th c đ ng đ n và nh ng kh o c u khoa h c. Đó là vũ tr v n v t và chính c thành ph n th xác, sinh lý c a con ng i n a . Đ c tính c t y u c a nh ng s Hu này là khách quan tính, nghĩa là chúng đ c các nhà khoa h c kh o sát chúng nh nh ng đ i t ng khách quan. Nh ng n u đã ch p nh n tính cách khách quan y thì đ ng nhiên ph i ch p nh n hai hu qu sau đây:

□□□□□□ □-M t đàng, n u s ngo i t i đ c coi là khách quan thì thi t y u ph i gi thi t m t ch tri; vì ch có đ i t ng khách quan là khi liên h v i m t thái đ “ h ng nhìn” c a ch tri ý th c. S liên h này nói lên nguyên t c ý h ng tính c a Husserl.

□□□□□□□ -Đàng khác, n u ch duy có bình di n này có tính cách khách quan thì nh ng bình di n sau nó không th có tính cách khách quan và nh v y không th áp đ ng duy m t l i tri th c khách quan tr c h đ c.

□□□□□□□□□□ Vi v y ngay ở đây, Jaspers đã không ch tr ng dùng đ ng l i khách quan c a khoa h c th c nghi m đ thám hi m s bí n, t ng m c c a vũ tr , mà ph i dùng l i tri t lý hay đúng h n ph i dùng l i bi t theo bao dung th . Đi m này đã đ ng nhiên mang l i m t ph ng pháp m i cho vi c tìm hi u vũ tr . □□□□□□□□□□

Th c v y, ban đ u ở Hi L p v i quan ni m “ Phusis” và “ Kosmos” có l ng i Hi L p x a đã quan ni m vũ tr nh m t hòa âm, trong đó ng i và v t không th tách r i nhau thành ch th , khách th , nh ng đ n dà v sau t t ng Ph ng tây đã quami m vũ tr là m t toàn th nh ng gì ngo i t i, tách bi t, l m khi còn ch ng đ i v i con ng i.

Nh ng nguyên nhân đ a đ n quan ni m y quá ph c t p không th nói ra ở đây nh ng ch bi t r ng: theo m t ít nhà t t ng nh Heidegger ch ng h n thì s phân tách m t

bên là vũ trụ ngoài trời và mặt bên là chất trí tuệ
i trí tuệ như thế đã bắt nguồn từ
những nguyên siêu hình học đã quên sự hữu mà chất thực có Vũ trụ, rồi những cái ta mới để
Physis thành Physique và Nature physique.

□□□□□□□□

Do đó, quan niệm về vũ trụ học đã trở thành một lý tìm hiểu vũ trụ về những mặt cách
khác nhau. Rồi khi khoa học thực nghiệm tiến, nó càng đào sâu thêm sự phân cách
khuyết học khách quan và hiện tượng.

□□□□□□□□

Với những lý suy tư và những pháp như thế, chất triết học và khoa học đã hy vọng để trí
độc toàn diện khách quan về vũ trụ. Nghĩa là tuy cần phân sát vũ trụ ngoài trời
thành trăm ngàn mảnh (Như Whitehead nói : La nature est en hallons)! để khám phá những
mảnh mặt cách thực nghiệm. Các khoa học thực nghiệm và triết lý về những nguyên
nghiệm về vũ trụ như một toàn diện. Những theo Jaspers về những đó không bao giờ
thành tựu.

□□□□□□□□

Vậy những mặt của triết lý bao dung thực là phải biết những đâu là những giá trị và đâu là
khả năng giới hạn của khoa học. Đó là thái độ bình luận do Kant để xuống mà Jaspers
tiếp tục và khai triển ở đây. Vì vậy ông đã đề cập những điểm trọng yếu như thế của những vũ
trụ quan đi trước, tức là về những nhìn vũ trụ như một toàn diện khách quan.

□□□□□□□□ Trách nhiệm ông đã minh chứng rằng vũ trụ về những mặt này không phải một
những sự vật riêng rẽ, đóng kín không liên hệ với cái gì ở ngoài chúng ta, cũng không
phải một toàn diện nhất trí không bao phủ do một "chân trời" nào cả, như ông đã viết
trong triết học nhập môn: " Về những pháp nhưng kiến thức đa tiếp
mới trở thành khoa học, nghĩa là lúc ban đầu những kiến thức khoa học còn tối tăm, và
sau tiến triển thêm mãi, những nhà khoa học phải có những pháp để liên kết chúng
thành một hệ thống nhất".

□□□□□□□□ Đó là những nguyên tắc lý thuyết liên kết mới sự thành một khoa học. Rồi
những khoa học kiến đó muốn được kết nối thành một Vũ trụ quan.

□□□□□□□□ Đó là khuyết học muốn tìm ra một vũ trụ quan để dung nạp mới sự thành
một khi những trí và khép kín chặt chẽ. Khuyết học này là một khuyết học rất tự
nhiên và bất kháng, vì nó muốn dùng có một khái niệm để dung nạp mới sự. Những phải
nói ngay rằng: khuyết học này căn cứ trên một sai lầm nền tảng mà cho đến ngày nay
những cái ta đã biết rõ.

□□□□□□□□

Nhưng các vng mu n nhìn vũ tr nh m t toàn đ n v n ch a đ u hàng, các khoa h c còn hy vng c u k t v i nhau thành m t kh i nh t trí khác g i là nh t trí khoa h c b ng hai cách:

- Đàng, liên k t m i khoa h c bên nhau thành m t h th ng nh A.Comte đã mu n làm.

- Đàng khác, tôn m t khoa h c nào đó lên hàng tuy t m .

Nhưng nh t trí toàn đ n c a các nhà khoa h c này v n không th th c hi n n i.T h c v y, khi bi t phê phán m t chút, không nh ng ta th y ngay r ng : T t c vũ tr quan đã đ c ng i ta đ ngh ra t tr c t i nay đ u sai l m và không th đ ng v ng đ c. H n n a, óc lý lu n còn minh ch ng r ng: nh ng h th ng mà các nhà khoa h c có nhi m v ph i thi t l p thì thi t y u và t căn b n chúng đã khác bi t nhau và không th dung n p l i v i nhau đ c.

Đàng khác, tôn m t khoa h c nào đó lên hàng tuy t m .

Đó là s th t ngày càng rõ r t khi mà khoa h c càng ngày càng phát tri n. Ta th y, nh ng h th ng lý thuy t khoa h c càng mu n bao quát dung n p r ng rãi thì càng ngày càng không th liên t c đ c, nh t là v t lý h c. Vì g a các lãnh v c s v t đ u có s phân sáp, ví d : lãnh v c v t lý không th dung n p v i lãnh l c sinh h c, lãnh l c sinh h c l i khác v i lãnh v c linh h n và lãnh v c linh h n l i khác v i lãnh v c tinh th n.

Tr c s th t b i y, t t nhiên trí khôn ta ph i th c m c xem bên ngoài nh ng gi i h n kia, các khoa h c còn mang m t ý nghĩa nào không?

N u vũ tr có th lãnh h i đ c nh m t toàn đ n khách quan th c s thì khoa h c có th đi vòng quanh và th u tri t đ c s h u toàn đ n. Nh th , bên ngoài khách quan tính c a vũ tr không còn ph i tìm ki m n a và không còn suy t tri t lý hay siêu hình n a.

Nhưng khi khoa học phát triển thì nó đó khi phát lên một ý nghĩa. Trị lý là con đường tìm kiếm ý nghĩa này.

Như thế, vũ trụ này không có ý nghĩa đích thực vì nó không phải một thực thể viên mãn. Nên luôn luôn nhắc nhở ta phải dùng sự vật này để nhìn thấy sự vật khác (nghĩa là dùng vũ trụ để tìm một cái gì khác ngoài nó). Vì vậy không ai biết được khoa học trong tương lai sẽ còn đi tới đâu và nó sẽ mở ra cho loài người bao nhiêu chân trời mới hoặc bao nhiêu vực thẳm mê mông nữa?

Nói tóm, Hư khách quan là một hình thái hư ta đã cố gắng lĩnh hội như một toàn diện khách quan, nhưng không tài nào lĩnh hội được. Vì vậy nó là một hình thái bao dung thế riêng biệt của nó. Và nếu muốn vươn lên bình diện trên phạm vi "những vật" vì thế cùng của vũ trụ còn một "chân trời" khác bao phủ nó.

HƯ HỒN SINH cũng gọi là việc minh giải hiện sinh (Ichsein-Existenzerhellung). Hư hiện sinh đây được hiểu như một cá nhân cụ thể trong nội tính hay chủ thể tính được đặt vào nó, nghĩa là như một bản thể riêng biệt, biệt lập với sự vật thế giới khác. Chủ thể riêng có nó mới dám mang danh nghĩa là một Hiện sinh (Existenz). Nó chính là khi đi tìm và là nguồn suy nghĩ suy tư cho triết lý, vì triết lý sự thật yêu là suy tư trên thân phận con người, hiện như là một hiện sinh hoàn toàn tự do. Và tự do này được phân tích như thế hiện trong một hiện sinh cá biệt, được đặt, duy nhất.

Tìm đó, hiện sinh tự do yêu là được nhìn trong tình trạng sự tính đích lý về nó Sau cùng hiện sinh tự do nhưng không cô lập (như với Kierkegaard), mà thật yêu liên hệ với người khác và thông cảm được với họ. Vì họ cũng là những con người tự do, cá biệt, được đặt và duy nhất cũng sống trong những hoàn cảnh và sự tính như vậy.

Nhưng sau cùng và trên hết, hiện sinh còn liên hệ và hướng về Hư tự tại. Nên cách thái hư của nó càng trở nên phức tạp, không thể nhìn nó bằng thái độ khách quan như trong lịch sử triết lý Hi Lạp và Tây phương đã nhìn nó như Chủ thể sinh tồn, hoặc Ý thức phổ quát, hoặc là Tinh thần. Trái lại phải nhìn một cách thái hư bao quát trong hiện sinh theo quan điểm bao dung thế như sau:

a) Trách nhiệm hư t là Hư thế giới nghiệm hay là chủ thể sinh tồn (Dasenin). (Xin đừng nhầm với

Dasein của Heidegger) thì thời gian của nó cũng được sống trong một vị trí và một thời gian, nghĩa là bình diện này của nó sinh tồn cũng được quan niệm y như một sự vật trong muôn sự vật vô linh mà được tính toán là trường được. Hơn nữa, của sinh tồn này còn mang những đặc tính giống như sinh vật ví dụ về một sinh lý. Hiên sinh ở đây cũng biết ăn uống, giao cấu, sinh sản, truy n săn và cũng mang những vết tích di truyền từ hay của nó nói giống hay của cha mẹ nó và cũng sinh sống y như một sinh vật. Rồi về mặt tâm lý, Hiên sinh còn thể hiện ra qua một ý thức về những quan năng và phần tình cảm, lý trí cùng ý chí và những thái độ tâm lý thẳng thắn đối với thế giới chung quanh nó và vật. Nói ngắn gọn, hiên sinh ở đây có thể là một trường khách quan cho những khoa học như sinh lý học, tâm lý học, xã hội học và sự học. Bởi nó là một thực thể thực nghiệm của nhiên giới, vì con người là một trường hoàn toàn có thể hiểu biết được.

Do đó những lý thuyết về chúng ta mới thiết lập những khác biệt giữa những chúng ta và những chúng ta khác; rồi nhà phân tâm học mới nghiên cứu được hoạt động của tiềm thức; và chủ nghĩa Mác mới coi con người như một sinh vật sống động biết lao và sản xuất để chúng ta được thiên nhiên.

Đó là tất cả những động lực triết học dùng để lĩnh hội được một cái gì đó xác thực, những không bao giờ lĩnh hội được toàn diện con người. Vì con người vượt xa trên những bình diện của nó.

Thực vậy chúng ta có con người và duy nhất có con người mới mang thêm cho những bình diện của nó những gì được đấng, ví dụ như ngôn ngữ, động cơ làm ăn, những phát minh, những hình ảnh của điều kiện và trên hết con người có thể tự mình rèn luyện chính bản thân mình.

Như thế đang khi mới sinh vật khác chúng ta sống theo bản năng thiên nhiên trong những khuôn khổ nhất định, thì chúng ta duy có con người mới biết hiểu được sự sống tràn đầy ra chung quanh nó, vì con người đã dung nạp được một hình thái bao dung bên trong nó. Đó là một ý thức bao dung của nó có ngay ở trình độ này, nhưng vì làm khi quá quen thuộc với những thực thể những nghiễm như những khuynh hướng chúng ta nhìn con người như một con vật cấp cao nên người ta đã quên mất tính cách huyền bí bao dung của con người.

b) Như ý thức bao dung của nó nói, chúng ta mới vươn lên được của hiểu sinh quan niệm những một ý thức phổ quát (Bewusstsein überhaupt). Sự dĩ phải nói đến tính thái của nó vì

trong lịch sử triết học phương tây, không có Descartes, nhất là Kant đã coi hiên sinh là một ý thức tri thức không hiện không kém; vậy theo Kant và Jaspers lập luận đây, chúng ta chỉ là ý thức trong sự phân ly chủ thể - khách thể, nghĩa là đối với mỗi sự, tất cả hiện sinh của ta chỉ là một chủ thể (Sujet connaissant) đang đối diện với những đối tượng khách thể của mình.

Vì vậy sẽ liên

quan giữa hai bên chủ thể và khách thể một cách vô tư, bàng quan không dính líu gì với nhau cả.. Ta có thể hình dung quan niệm chủ thể này như một máy ảnh, bởi chụp lấy, miễn là có cái cho mình chụp hay như một máy ghi âm ghi bắt cả cái một cách vô tư, lạnh lùng.

Tóm lại, hiên sinh như vậy không còn bị sự ràng buộc, không còn bị trướng cựa m trở ngại như ng c nh bị đất hay hoan h c a cu c đ i, không còn bị trướng vui hay phân u v i ngo i gi i mà chỉ tìm hi u chúng theo những tr c giác c m tính và những mô th c tiên nghi m. Trong vi n t ng y hi n sinh m i ch đ c nhìn m t cách h i h t, phi n đ i n nh m t th c t i khách quan đóng kín.

Những người nhìn theo quan điểm bao dung thì bên ngoài ý thức phổ quát đã thấy lóa sáng một "chân trời" mới. Vì ngay ở đây, người phân tích thì cùng những khả năng của ý thức phổ quát, thì trong nó đã thấy ngấm chía một cái khác, cao hơn, sâu hơn nó rồi. Nói khác đi, con người còn có thể phá tung những khuôn khổ của thế giới những nghi m bao quanh để đi tới những gì mà Kant đã gọi là ý thức vô vũ trụ, như đó mà con người có thể bao hàm được mọi thế giới để c thù, đã t p vào trong những hình th c cao hơn.

Nói tóm, hiên sinh có thể đi tới chỗ vượt khỏi vũ trụ bằng tư tưởng và hiên sinh cũng có thể để cho nó bị những đi như thế không có gì cả. Bởi "Suy niệm còn có nghĩa là hi u được sự c m nh của tư tưởng". Vì
biết tư tưởng là bắt đầu biết làm người như hi u biết đích xác được sự vật, người ta mới nhận ra được sự c m nh của trí khôn....

Rồi những đối diện được của lý luận càng có sự c m nh càng bách, hay những chứng minh theo lý luận nhân quả càng hiên nhiên và thế giới của những thí nghiệm càng rõ rệt nếu những phương pháp càng được áp dụng một cách minh mẫn. Đó là sự c m nh của lý tưởng khi gặp những gì hiện, tất nhiên đó là lúc bắt đầu cho việc suy tư triết lý đích thực

c) Hiện sinh còn là tinh thần. Qua danh từ này ta nhận ra ý tưởng then chốt trong triết lý của Hegel. Vậy, có thể nói theo quan điểm lịch sử triết học, Hegel là học trò tìm năng bao dung Kant hay tinh thần là học trò tìm năng bao dung lý thuyết phổ quát. Nhưng hiện học tinh thần là gì?

Đó là

ý thuyết phổ quát, mỗi hiện sinh đều có đặc trưng ý tưởng đặc thù, nhưng đó nó có thể lĩnh hội được ý tưởng chung bao hàm tất cả. Ở đây, những ý thuyết phổ quát hay trí năng phân tán, lý giải đều như được ráp lại, hay liên kết với nhau và như lôi cuốn vào một sự vận hành có tính lịch mẫn của tinh thần. Nếu không may những ý tưởng ấy bị tiêu tán mất thì cấu trúc này cũng bị sụp đổ luôn và mỗi sự phân tán thành những thực thể riêng lẻ, thì mất mát không thể hiện ra ngoài.

□□□□□□□□□□□□

Những ý tưởng ấy có nhiều loại như ý tưởng thực tiễn và nghệ nghiệp, niềm vui... trong đó con người tự thức hiện chính mình, loại cũng có những ý tưởng lý thuyết như vũ trụ, linh hồn, sự sống... Những ý tưởng ấy học được ta như kích lộ bên trong hay như sự chấp nhận của những toàn diện tưởng tượng của đời sống trong vận vận. Những ý tưởng này loại không phải những đời tưởng khách quan, những chúng xuất hiện thành những sự đời và hình thức nên chúng tưởng tượng hiện trong ta như những đời của hiện diện trong ta đời kích lộ ta hành động một cách hiện lộ. Đời sống chúng vận mang tính cách một toàn diện hàm hồ, vô hạn đời. Tính cách hàm hồ, vô hạn đời này như cái gì bao dung hiện. □□□

□□□□□□□□□□□□

Nói tóm lại, cả ba hình thái bao dung thuyết đều là những hình thái nói lên sự thu của hiện sinh vào trần gian. Nếu coi những bao dung thuyết này như những thực thể khách quan thì hình như bình diện tưởng tượng nghiệp, người ta có thể coi hiện sinh như những đời tưởng cho sinh vật học, tâm lý học, xã hội học và luân lý học không hiện không kém. Những học của ta không những là đời tưởng khách quan như vậy, nó còn là một cái gì khác nữa.

d) Như vậy nói rằng ra, chúng sinh còn là hiện sinh khác biệt vì riêng sự hiện học của chúng ta là do một nguôn nguồn ngoài và bên trên những thực thể của lĩnh vực tưởng tượng nghiệp, của ý thuyết phổ quát và tinh thần. Đó mới là thực chất của ta. Thực chất ấy thể hiện ra qua những hình thức sau đây:

□□□□□□□□□□) Qua sự bắt lộ của con người cảm thấy khi đời sống chính mình, nghĩa là trong hiện sinh chúng ta cảm nghiệp và thấy một cái gì siêu việt hiện học sự sinh tồn,

sở hữu biệt ngôn ngữ và cả bình diện tinh thần.

(ii) Tuy nhiên để coi như một Hữu đích thực của hiện sinh. Tuy nhiên ý là căn cứ mà hiện sinh phải đem cả cuộc sống để phục vụ, vì tất cả mọi ý nghĩa và giá trị của cuộc đời đều do Tuy nhiên ý mà phát xuất.

(iii) Trong kích lệ liên lạc với nhân trí, vì con người không thể mãi đi về phía một cái nào trong những cái thái bao dung thế, hay tất cả mọi cách thái bao dung hợp lệ. Trái lại, hệ thống của chúng ta về nhân trí để coi một nhân trí cao cấp nhất và chủ yếu có nó là hữu đích thực và hệ thống của.

(iv) Trong một hoài niệm huyền diệu, chúng ta như một am hiểu những người (Schelling) hay chúng ta như không niệm lại những gì đã chiêm nghiệm được trước kia một thế giới khác (Planton)

(v) Hay trong ý thức họ có vẻ cuộc sống sinh hoạt, những đây những sinh không phải là tiếp xúc cùng một cuộc sống như thế hiện diện một hình thức khác mà như là một sống thân trong một trạng thái đời đời, không còn thế gian.

Như thế, theo những hình thái bao dung thực của hiện sinh, cái nào cũng hàm chứa một phân ly chủ thể - khách thể, những phân ly trong một bình diện của chủ thể và khách thể .

Ví dụ : Với bao dung thực của chủ thể sinh tồn thì có sự sống hợp của vũ trụ khách quan ngoài và thế giới nội tâm. Với bao dung thực ý thức phổ quát thì có ý thức và đời sống của nó sống hợp nhau. Với bao dung thực tinh thần thì có sự sống hợp giữa mọi ý tưởng trong ta và ý tưởng khách quan xuất hiện ra với ta. Với bao dung thực hiện sinh thì có sự sống của hiện sinh và siêu việt thế.

Đây hiện sinh và siêu việt thế gặp nhau. Đó là hai mặt của Jaspers phân tích thế như luôn luôn gắn liền với nhau. Và hình như phải nói rằng: đó mặt thế nhất chỉ có lý do tồn tại trong đó mặt thế hai. Vì vậy để nói về triết lý hiện sinh của

Jaspers ch suy t v thân ph n con ng i nh l i mô t hi n t ng lu n thu n túy. Trái l i, khi tri t đ nh n m nh trên t do c a hi n sinh, tác gi không ch ý đ ng l i trên t do mà v n lên m t bình đ n cao h n. V y hi n

sinh th c s là gì?
Danh t và quan ni m "Existenz"

(hi n sinh) đ c nêu ra đ đây ch ý tách

bi t v i quan đ m ch tri c a tri t lý cũ, hi u nh m t trí năng hay tinh th n.

Ti p b c Pascal và Kierkegaard, Jaspers quan ni m ch th hi n sinh là kh năng riêng t nh t n i m i ng i, đ h có thái đ m i khi g p tr ng h p, bi n c và thái đ c a ng i khác trong cu c s ng và trong xã h i.

..... Nói cho đúng, danh t c a hi n sinh th ng đ c Jaspers coi nh đ ng nghĩa v i danh t Ngu n su i, theo đó, hi n sinh ph i hi u là m t s c trào v t t th m sâu t nguyên y c a m i con ng i, hay là m t tác đ ng nh y v t nh đó m i hi n sinh v t ra ngoài lĩnh v c th ng nghi m t l p trên m t bình đ n cao h n và khác h n. Có th con ng i m i t do.

Tóm l i , qua danh t hi n sinh v a nói, ta có th th y đ c tính sau đây c a nó:

-..... Hi n sinh là m t đ i t ng không th đ nh nghĩa đ c, nh Jaspers cũng đã vi t: "Con ng i là gì ?" Sinh lý h c nghiên c u th xác, tâm lý h c nghiên c u tâm linh và xã h i h c nghiên c u xã h i tính c a h ...

Đó là đ ng l i kh o c u con ng i c a khoa h c nhân văn. Tuy nhiên chúng cũng ch đ m i đ c nh ng ki n th c t n mát, ch không th là con ng i toàn đ n đ c.

-..... Hi n sinh còn đ c g i là nguyên y và đích th c nh t.(ph n sau bài vi t, trong đ n trình bày

v tinh th n đ c l p c a tri t lý s nói rõ v l i s ng nguyên y và đích th c này) đ đây tác gi ch nêu ra nh ng hình th c s ng không đích th c có th ph ng h i cho tinh th n đ c l p cho c v ng s ng đúng nguyên y đích th c c a nó.

"Các chính sách chuyên ch th ng đ k tinh th n đ c l p n i m i cá nhân, ví đ m t tôn giáo v đoán khi nó c ng bách m i ng i ph i ph c tòng m t chân lý duy nh t mà không đ cá nhân theo s thích c a riêng h ..."

thì t y u còn là s ng trong hoàn c nh nh tr n đã nói s qua v Dasein. Vì th ng th ng hoàn c nh đ c hi u theo nghĩa m t v trí không gian, ch tôi ng i, đ ng hay n i chôn nhau c t rún...Nh ng đ đây hoàn c nh đ c hi u là hoàn c nh riêng t , đ c áo c a m i con ng i, không th thay th b ng hoàn c nh nào khác đ c, vì hoàn c nh này không ph i t ngo i t i mà đ n. Do đó, m i hoàn c nh còn là hoàn c nh gi i h n (grenzsituation) nh nh ng khuôn kh giam hãm m i hi n sinh. Nh ng hoàn c nh y r t nhi u và ph c t p, trong đó có nh ng hoàn c nh thay đ i luôn, m i hoàn c nh còn có th đ c thay th b ng m t hoàn c nh khác, l vi c này tôi có th toan tính vi c khác....và c nh th mãi. Nh ng n u hoàn c nh có th thay đ i đ c mãi nh v y thì chính tôi cũng không ng t thay đ i, chuy n hóa t hoàn c nh này sang hoàn c nh khác liên miên. Đó là m t hoàn c nh đ c Jaspers g i là hoàn c nh gi i h n n n t ng cho m i hoàn c nh đ c thù đ n sau.

□□□□□□□□□□□□□□

Nh ng hoàn c nh gi i h n y th ng có tính cách t t đ nh nh m i con ng i s sinh tr ng ra t i m t n i này ch n kia, do nh ng cha m , bà con không cho mình l a ch n, hay m i ng i đ u mang cho mình m t x m nh hên hay xui, may m n hay không may m n là nh ng gì đ c coi nh t vi c a m i hi n sinh. Nh ng hoàn c nh y, m i con ng i không th r b hay ph nh n đ c nên đành ph i ch p nh n chúng y nh sinh v t s ng v i b n năng, nh ng hi n sinh còn có th ch p nh n nh ng hoàn c nh y b ng t do. H n n a, ngay v i nh ng gì x y ra tình c , con ng i còn có th coi chúng nh nh ng s ki n không t t đ nh, nên h có th không bi quan y m mà l i can tr ng ch p nh n chúng.

□□□□□□□□□□□□□□

Do đó, có th nói s tính tr c h t không là gì khác cho b ng hoàn c nh gi i h n hoàn c nh v i tính cách nh m t t t đ nh mà hi n sinh ch u đ ng nh ng l i ch u đ ng m t cách t do nh m t thành ph n c a chính mình. T p đó còn ph i thêm vào ý nghĩa s tính y m y đ c đi m sau đây:

-□□□□□□□□ S tính còn là tình tr ng dung hòa h u th ng nghi m v i hi n sinh, nghĩa là tuy cũng nh s v t, m i hi n sinh đ u sinh ra và mang theo mình m t s nh ng đ c tính c đ nh trong h u th ng nghi m c a mình, nh ng đ ng th i hi n sinh còn ch p nh n nh ng cái đó b ng chính cu c đ i c a mình, là s ng v i chúng và tìm cách thăng hoa chúng. Do đó s tính cũng đ ng th i là s dung hòa đ c c t do và nh ng gì bó bu c t t y u nh ng nh th ch a đ .

-□□□□□□□□ S tính còn là dung hòa đ c c th i gian và h ng c u. Vì s tính là m t “kho nh kh c” (instant) hi n sinh nh Kierkeggad nh n xét v cu c s ng hi n th c a

ngồi tin họ: “chúng ta quyết định trong thời gian hiện tại” (nous decidons dans le temps de notre eterenite). Trong khi sống đầy ý nghĩa của lịch sử, ta còn phải vượt qua lịch sử để vươn lên thời đại mới”

.....
Như thế hoàn cảnh hiện tại và sự tính là hai yếu tố đi song song nhau. Về hoàn cảnh hiện tại, Jaspers cũng đã viết trong triết học nhân phẩm sau: “Hãy chú ý sự phân chúng ta, tất sự thay đổi nó bị giảm giảm trong những hoàn cảnh của đời. Hoàn cảnh này đến cảnh khác. Mọi cảnh đời là mọi cảnh khác không bao giờ trở lại. Tôi có thể đến thân thay đổi mọi hoàn cảnh.”
Nhưng có những hoàn cảnh thì sự thay đổi, tuy bên ngoài có vẻ thay đổi chút ít hay chúng không phơi bày hết tiềm ẩn của chúng. Đó là những hoàn cảnh hiện tại đời sống, đau khổ, chiến đấu, lịch sử của những cảnh đời, và lịch sử của chúng trong xã hội lịch sử”

..

Đó là tình trạng sống cơ thể hiện sinh và những hoàn cảnh hiện tại.

Nhưng bên cạnh đó, còn sự sống cơ thể hiện sinh và những người khác nữa mà Jaspers gọi là sự thông cảm. Vì đây mọi hiện sinh đều là hiện sinh và theo hiện tại ý nghĩa làm người của mình để với người khác nữa chứ không phải là hai sự vô linh nằm bên nhau nên cuộc sống giữa hai bên phải được tiếp theo một hình thức bình đẳng trao đổi, bằng hiện vật bên nhau, bằng tranh chấp những tranh chấp trong một tình huống. Đây là tình trạng thông cảm giữa hiện sinh với hiện sinh được Jaspers coi là một nguyên sự của triết học

thời đại ta. Ông viết: “đây tranh đấu là trạng đấu trong tình huống. Nhưng về tranh đấu về sự thừa nhận trao đổi khí giữa cho nhau. Chỉ trong thông cảm như thế do sống bên cạnh con người tự do.

Đặc biệt của sự thông cảm này sau cùng còn đến đến một tinh thần bao dung và tôn giáo (tolerance religieuse) rất cần cho thời đại

và những dân tộc đương đại :”

...triết lý đòi buộc phải luôn luôn tìm sự thông cảm và người ta phải mở lòng để vượt qua sự thông cảm mà không trừ trù, người ta không được tự quyết vì tự quyết là kiêu hãnh, tự mãn và luôn luôn đưa thái vào những hình thức giới mở để đáp ứng người khác”.

.....

Đến đây, ta đã lược tóm được một số những khía cạnh của hiện sinh và sống chúng trong tiến trình của văn minh. Về theo những phân tích trên, những hình thái hiện tại vũ trụ và hiện sinh đều đến đến một thể thống nhất, nên vũ trụ và hiện sinh đều phải được nhìn nhận với một hình thức cao hơn

- Hư u ý là Hư U T T I, là đ i t ng cho siêu hình h c.
Đó là chu n đích t i h u cho h u th ng nghi m và h u hi n sinh và là c u cánh cho ni m tin tri t lý. Jaspers gọi h u t t i ý là Siêu vi t th (transcendens) và siêu hình h c là con đ i ng đ a t i đó. Nghĩa là danh t siêu vi t th đ c dùng thay cho danh t T o Hóa/Th ng đ /Thiên chúa..., còn danh t siêu hình h c thay cho danh t đ c tin. Do đó , jaspers

đã nêu lên quan ni m ni m tin tri t lý (der philosophische glaube) ch ng l i đ c tin v o đoán. (Đi u này đ c ông trình bày t m và liên h đ n v n đ tri t lý ánh sáng). Bây gi chúng ta hãy b t đ u xét xem:

TRỊ T LÝ LÀ GÌ ?

Ng i ta th ng không đ ng ý v i nhau v v n đ tri t lý là gì hay tri t lý có giá tr gì? Vì có ng i cho r ng: Tri t lý ti t l nh ng bí m t toàn đ i n. Ng i khác l i nh n th y tri t lý là l i suy lu n vô căn c , r i h b qua luôn không đ m x a gì đ n n a. Có ng i l i coi tri t lý là m t c g ng đ y ý nghĩa c a nh ng thiên tài, ng i khác l i khinh th ng tri t lý là m t l i suy lu n ch quan, c ch p, vô ích do m t s đ u óc m m ng nghĩ ra. Có ng i cho r ng: Tri t lý liên quan đ n v n m nh c a con ng i nên tri t lý ph i gi n đ n, ai ai cũng hi u. Ng i khác l i t ng r ng: Tri t lý quá khó, không th h c h i hay s u t m đ c... Nh th , danh t tri t lý bao hàm m t lãnh v c khá r ng nên m i th y nh i u nh n đ nh mâu thu n nh trên.

Còn nói khoa h c v i tri t lý, thì nh ng ai có đ u óc khoa h c đ u th y tri t lý không đ m l i m t k t qu hi n nhiên hay ki n th c chính xác nào c . Khoa h c ngành nào cũng n m đ c nh ng ki n th c ch c ch n và đ c m i ng i chân nh n. Trái l i, tri t lý qua bao nhiêu n l c, k đã hàng ngàn năm v n ch ng thành t u gì. Không m t ai là không th y r ng: Trong lãnh v c tri t lý không bao gi có s đ ng tình nh t trí đ có th thi t l p m t s ki n th c chính xác khách quan. M t ki n th c nào b t c , h đã căn c trên nh ng ch ng minh chính xác, b t kháng thì không còn là tri t lý n a mà là chân lý c a khoa h c. Nh th , tri t lý y đã thu c lãnh v c trí th c riêng bi t c a khoa h c r i.

Nh ng khác v i khoa h c, t t ng tri t lý hình nh không ti n b gì c . Dĩ nhiên chúng ta bi t nh i u h n Hippocrate (m t y sĩ Hy l p) nh ng chúng ta không th t hào đã v t xa h n Platon. Có ch ng chúng ta ch h n tiên sinh v nh ng ki n th c khoa h c, còn nh ng gì thu c ph m vi s u t m tri t lý đúng lý nghĩa, có l chúng ta ch g n theo k p tiên sinh mà thôi.

Khoa học thì được mọi người công nhận. Trái lại, triết lý dù có hình thức nào cũng không thể được mọi người nhất loạt đồng tình. Bản tính của triết lý là như thế nên những gì tìm tòi và chinh phục được của triết lý dù không có tính cách đích xác như khoa học. Đây là một công cuộc tìm kiếm thò o và kết quả của nó chi phối cả sự minh của con người. Hơn nữa những kiến thức khoa học chỉ hiện diện trong những đồ vật thực tế chứ không liên hệ gì đến những cá nhân. Trái lại những kiến thức triết lý lại liên hệ đến toàn diện sự sống, tức là những gì liên hệ đến con người và vì con người. Ở đây, những chân lý khi bừng sáng lên có thể xuyên thấu những ngấm sâu kín nhất của mọi kiến thức khoa học.

Muốn xây dựng một hệ thống triết lý thì tốt yếu phụ thuộc vào triết gia khoa học, những học giả đi của triết lý lại phải thái độ một nguần suối khác. Chỉ có học giả đã xuất hiện trước các kiến thức khoa học ngay lúc con người và cả phần tinh thần. Còn nói về triết lý thông thường, ta thấy có những đồ vật đi kèm như sau:

1. Trong triết lý, ai ai cũng cảm thấy như mình có đủ khả năng suy tư. Trái lại trong khoa học cần phải nghiên cứu thực tế theo phương pháp. Những trong triết lý ai ai cũng có tham vọng tìm hiểu và được quy định tham gia những cuộc tranh luận mà không cần tiếp xúc vì ai ai cũng cảm thấy mình mang thân phận làm người và vì sự kiên trì và kinh nghiệm riêng của mình. Đó là một sự đòi hỏi rất chính đáng, nghĩa là ai cũng có thể triết lý. Vì những đồ vật lại phải tiếp xúc với triết lý (ví như những đồ vật lại mà các triết gia chuyên môn đã theo đuổi) chỉ có nghĩa khi chúng quy hướng về thân phận con người. Mà thân phận làm người chỉ được thể hiện tùy theo cách thái mọi người và nôm chung sự sống và nhân cách của mình.

2. Bất cứ thời nào, học suy tư triết lý là phải bắt nguần từ bản ngã và ai ai cũng dồn thân vào đây. Một điều hiểu biết của chính mình khi nhìn con người có thể tìm thấy chính mình nguần suối của mọi suy tư triết lý là những những thức của các triết gia. Người ta đã từng cho trẻ em những lời nói có ý nghĩa riêng em là một kẻ khác. Những không hiểu sao, em lại nói là em? “Như thế của trẻ như linh cảm được nguần suối của mọi chân lý. Đó là ý thức về sự sống như sự nhìn thấy chính mình, nó ngừng ngừng trước cái ngã huyền bí mà không gì đáp lại. Đó là sự chuyển biến nó của thức của hoài!

Hay, khi nghe kẻ khác sống Sáng thế: “Thoạt kẻ thấy Thế giới đã tạo dựng trẻ em”. Một em bé hỏi: “Về sự trước đó có gì không?” Ở hỏi thì, em như đã nhìn thấy sự ra muôn và câu hỏi khác. Và như thế nó cũng như nhìn ra rằng: Trí khôn con

ngồi tra hỏi
không biết đâu là cùng. Và rồi con người cũng không bao giờ có gì để đáp trả đáng vì ai
ai cũng nhận thấy rằng vũ trụ này không biết từ đâu mà có.

Tóm lại, với những ý kiến triết lý thông thường và các trên có thể giúp xây
dựng một nền triết lý sống. Nghe thì có vẻ như vậy nhưng: Trẻ em chưa học hỏi
những gì chúng đã từng nghe thấy ở cha mẹ hay người lớn nói ra. Những đứa trẻ
những gì họ học sâu sắc như vậy không thể nói được rằng chúng đã học được gì. Người
khác lại cho rằng: Trẻ em chưa thể có được những ý nghĩ triết lý sâu xa như thế, chúng
qua chơi là sự tình cờ.

Nếu nghĩ thế, người ta đã quên rằng: Trẻ em thường sinh ra với một thiên
bẩm tính. Thiên bẩm tính này đã dần dà mất đi khi đứa trẻ khôn lớn. Như thế, cùng với năm
tháng, trẻ con đi vào cuộc đời khuôn khổ quy chuẩn, quy định phù phiếm, quy định
đẹp và thành kiến... chúng như đánh mất hồn thiên bẩm tính tự nhiên để tiếp thu những
gì do cuộc đời biến thái đem lại mỗi giây phút. Bởi vậy chúng ta cũng nghĩ, cũng nhìn,
cũng tra vấn... những gì mỗi đứa trẻ bay vù mất đi. Chúng ta như đắm chìm vào quên
lãng với những gì đã đi khỏi lòng ta trong những giây phút thiêng liêng nào đó. Rồi về
sau ta mới ngạc nhiên khi người ta kể lại những đứa trẻ mình đã nhìn, đã nghĩ, đã thực
mặc... ngày xưa.

3. Không những xuất hiện nơi trẻ em, một nền triết lý bất nguỵ biện nguyên này còn xuất
hiện nơi những bậc nhân tinh thần. Năm chục năm trước, chúng ta nghe họ nói được
những chân lý cao siêu. Ví dụ: Vào những thời kỳ xuất hiện những triết luận về cuộc
loạn, họ tiếp tục những bí mật siêu hình kỳ quái. Những hình thái, ngôn ngữ của họ trong
những lúc này như phơi bày ra được cũng không mang một ý nghĩa rõ rệt nào cả, người trẻ
trường học học được biết cả thi sĩ Hoelderlin

và họa sĩ Van Gogh. Tuy nhiên khi chúng ta tiến trình này, ta có cảm tưởng như thấy tận
một bề mặt che phủ cuộc sống thường nhật của ta bề xé toang. Ngoài ra, những con
người lành mạnh cũng có kinh nghiệm thấy rằng: Thoạt đầu ta thấy gì, họ có cảm giác
như khi người đã hiểu được những gì kỳ diệu sâu xa lắm. Nhưng khi trở nháo huyên, họ không
còn hiểu gì nữa mà chỉ còn những cảm giác huyên náo. Nên thế là thâm trầm ý nghĩa câu
ngôn ngữ: “Chân lý thoát ra khỏi cái miệng trẻ em và người điên dốt”. Tuy vậy không phải
là những sáng tác được đúc có thể kiến thiết thành một triết lý cao xa vì sáng tác thế
thế chỉ có một số ít trí óc vĩ đại mới làm nổi.

4. Là người, không một ai bước qua triết lý được, vì thế mỗi thấy, triết lý xuất hiện khắp nơi

và t n t i mãi mãi. Nh th đã rõ, không ai là không trị t lý nh ng cũng c n xem xét ng i

trị t lý! V y, ph i nói r ng, chính cu c hành trình
trị t h c đã đem l i cho con ng i ngu n an i vô t n. H n n a, trong nh ng giây phút
thiêng liêng, con ng i còn đ c hoàn toàn

to i nguy n. Nh ng to i nguy n ì đây không ph i nh khi thu l m đ c m t ki n th c
đích xác ho c khi đ c tuyên x ng đ c trí, tài năng.... Trái l i, ì đây to i nguy n là khi
trong tr n th này, con ng i th y th c hi n đ c ý nghĩa khi đã nh n đ c ánh sáng c a
m t s h u soi cho. B t g p đ c ánh sáng c a s h u y trong m t c nh ng đ t bi t
nào đó trong cu c s ng, đó chính là ý h ng c a m i c g ng trị t lý.

Tóm l i, hành trình luôn mãi và tìm tòi đ c an i to i nguy n trong giây
phút thiêng liêng cũng không ph i nh ng đ nh nghĩa c a trị t lý. Vì trị t lý không đ ng
trên hay ngang hàng v i cái gì c . Trị t lý cũng không do cái gì khác phát sinh. Trái l i,
trị t lý ch là trị t lý b ng th c hi n, trị t lý là cái gì mà ch qua th c nghi m m i hi u
đ c. Nh kinh nghi m ng i ta m i nh n th y r ng: Trị t lý v a th hi n t t ng linh
đ ng v a suy t v suy t ng linh đ ng v a là hành đ ng v a là thái đ gi i thích cho
hành đ ng.

Nh th , ch nh kinh nghi m b n thân, m i con ng i m i nh n th c đ c
đâu là b n ch t trị t lý ì đ i b i có nhi u c g ng đ nh nghĩa trị t lý nh ng không nghĩa
nào thành công.

Ngoài nh ng đi u trên còn c n t i nh ng ph ng th c khác đ di n t ý
nghĩa c a trị t lý. Nh ng không m t ph ng th c nào di n t n i ý nghĩa y và cũng
không có m t ph ng th c nào tr i v t c . Ngày x a, theo đ i t ng thì ng i ta đ nh
nghĩa trị t lý là bi t đ c nh ng v n đ v th n minh và nhân lo i hay bi t v s h u theo
tính cách là s h u. Theo m c đích , thì trị t lý đ c coi là h c đ bi t ch t hay trị t lý là
bi t dùng t t ng đ tìm h nh phúc ho c đ thành th n. Sau cùng theo n i dung, ng i
ta đ nh nghĩa trị t lý là l i bi t v t trên m i l i bi t, là ngh thu t v t trên m i ngh
thu t, hay đúng h n, trị t là m t môn h c không b h n h p vào m t đ a h t riêng bi t
nào c . Ngày nay, ng i ta th ng nói v ý nghĩa trị t lý nh sau:

Tri t lý là mu n nhìn th y s h u nguyên th y, là mu n lý h i đ c s h u
y nh s t ph n t nh c a tôi v i tôi m i khi tôi suy t b ng ph n t nh.

Hay, triết lý là một đường cho mọi cá nhân tìm sâu vào bao dung thế hay triết lý là dám đi theo những khác biệt một tinh thần chỉ để duy trì đức và bất cứ một vấn đề nào.

Tóm lại triết lý là đường dẫn, nó hướng con người và trung tâm, nơi đây họ mọi nhân thức được chính họ trong khi dẫn thân vào cuộc đời.

"Như thế đã rõ đường hình thức một vài điều đang dẫn đến và hướng dẫn, triết lý xuất hiện và bất cứ ai không còn nít, Tuy nhiên, vì sự suy diễn triết lý đòi hỏi

phải có sự liên lạc và phải bắt đầu từ những điều mà mọi sự vật đang tồn tại hiện tại". Chính như đó, triết lý đã xuất hiện trong những sáng tác của những triết gia và hình thức âm vang trong các tác phẩm của triết gia trung bình. Dù hình thức nào cũng được, ý thức phải có sự đồng nhất triết lý không thể mai một đi được, khi con người còn là con người.

Nhưng không phải sau này triết lý mới bắt đầu công kích khách thể hiện tại. Từ ngàn xưa người ta đã lên án toàn diện triết lý như một đấng thần thánh và nguy hại: Triết lý làm gì? Có cứu nguy, cứu đói... được không? **Ngoài ra triết lý còn tạo ra bất lực trước nhu cầu cấp bách và thực dụng của cuộc sống hàng ngày.** Thalès, nhà triết học cổ nhất Hi Lạp phải cô đơn và mất mát khi ông suy nghĩ chân sa giếng vì nhìn mây gió. Cô gái trẻ hỏi: Không hiểu ông hiểu triết lý này là lo chuyện gì xa xôi mà vướng vào sự sống hiện tại?

Nếu bắt đầu công kích như thế, đáng lý ra triết lý phải bị biến hình. Nhưng không thế, vì triết lý không dễ dàng ra mắt chúng ta với lý do nào đó để bắt đầu cho lý do tồn tại của mình cả. Trái lại triết lý tồn tại là vì bao giờ trong con người cũng tìm kiếm những khả năng triết lý rất hiện nhiên. Nhưng khả năng này lại chỉ để bệnh viện cho một lớp trẻ vô lý, không tính toán hiện tại, mà chỉ chú trọng tới con người. Và nó cũng bị rơi rớt: triết lý sống tồn tại mãi mãi bao lâu còn có người trên mặt đất. Chính Mác-xít và Phát-xít chủ nghĩa cũng bị biến hình cho triết lý. Vì những chủ nghĩa này cũng phải được suy diễn thành hình thức triết lý sao cho thích hợp với những chủ đích thực tiễn, tuy đó chỉ là những căn bản của triết lý, nếu xét theo những kết quả hiện thực. Vì thế chính những chủ nghĩa này lại biến hình cho sự tồn tại bất kháng của triết lý. Nghĩa là luôn luôn con người cần triết lý.

Nhưng triết lý không thể đứng tranh, không thể bị biến hình cho mình mà triết lý chỉ có thể cảm thông. Triết lý không dễ kháng khi bị phê phán, không thể được khi được tán

đồng. Nhưng trên mặt bình diện công đồng thì nên thâm sâu của lòng người, mỗi cá nhân đều có một nghiễm nhiên triết lý.

Đã tới hai ngàn rưỡi năm nay, mặt nền triết lý cao siêu, có hình thức mà chức năng đã xuất hiện ở Tây Phương, ở Trung Hoa cũng như ở Ấn Độ. Đó là một truyền thống vĩ đại được ký thác cho chúng ta như một di sản tinh thần. Tuy khác nhau về những mâu thuẫn, những tranh biện xung khắc, nhưng chúng ta vẫn nhận thấy rằng căn bản vẫn có một cái gì được nhận mà không ai có thể phủ nhận được, những bất công một suy tư triết lý chính đáng nào cũng đều phải quy vào đây: đó là triết lý nhất quán và *vĩnh cửu* (Philosophia perennis). Vậy, để suy tư triết lý của chúng ta được minh xác và để tất cả được cội rễ, chúng ta luôn luôn phải quay về với căn bản truyền thống này. Ta phải xét xem có một nguyên sự phát sinh ra triết lý.

MỘT NGUYÊN SỰ PHÁT TRIỂN SINH RA TRIẾT LÝ?

- Khi đi tìm hay nguyên sự.

Nếu nói về khi đi tìm thì triết lý đã khi phát thành lịch sử có hình thức từ hai ngàn năm trăm năm nay và hình thức, đường lối hình thức từ những nguyên nhân. Đó là khi đi tìm những nguyên sự khác.

Khi đi tìm theo thời gian và triết lý chung cho họ lại những thành tích tinh thần đã thâm hoạn được. Trái lại, NGUYÊN SỰ (ta cần nói ở đây) là nguyên nhân phát sinh những liên miên thúc đẩy con người triết lý. Như đó, triết lý ngày nay mỗi người đều có là triết lý và triết lý ngày xưa mỗi người có lý do lịch sử của nó.

- Một nhận xét của họ về NGUYÊN SỰ triết lý.

Vậy có thể nói có những nguyên sự phát sinh triết lý như :

- o Có ng c nhiên th ng con ng i m i tìm tòi đ hi u bi t.
- o Có hoài nghi không dám ch c so v i nh ng đi u mình bi t, con ng i m i b cu c ki m th o và tìm đ t cho t i nh ng gì chính xác, minh b ch.
- o Sau cùng m t đôi khi có b lung l c và t c m th y mình nh sa s y, con ng i m i bi t t v n.

Đó là nh ng y u t th ng đ c g i là NGU N SU I C H U c a tri t lý. Nh ng chúng ta c n minh gi i thêm.

1) Platon ch tr ng r ng: Ngu n su i phát sinh tri t lý là bi t ng c nhiên, ví d khi nhìn “c nh t ng hùng vĩ c a các tinh tú, c a m t tr i và thiên khung” con ng i còn c mu n thám hi m c hoàn vũ. T đó phát sinh ra tri t lý “nh m t t ng v t quý báu nh t th n mình dành cho con ng i!” Aristote cũng nói: “Chính s ng c nhiên thúc đ y con ng i tri t lý: tho t tiên h b ng tr c nh ng s v t k l h b t g p, d n dà ti n xa h n, h đ t nh ng câu h i v bi n t ng c a m t tr i, v s v n chuy n c a m t tr i và các tinh tú, sau cùng là v sinh thành c a vũ tr ”.

Ng c nhiên là đ ng đ n t i tri th c vì ng c nhiên là bi t mình đ t. Và nh đó, thái đ hi u bi t t đây r t thu n t úy (bi t đ bi t) “ch không ph i đ c u l i”. Vì tri t lý còn là s ph n t nh đ thoát ly m i ràng bu c v i cu c s ng t m th ng hàng ngày. Ph n t nh y xu t hi n là khi nhìn s v t, tr i đ t vũ tr v i thái đ vô t, ta t h i: “T t c nh ng cái đó có ý nghĩa gì không? T i sao chúng có? H i th nh ng ta không c u l i, ch h i vì c n h i, th thôi!”.

2)Nh b ng và ng c nhiên mà bi t đ c m t ít s th t r i, nh ng ch a bi t ch c ch n thì còn ph i hoài nghi. Qu th, ta bi t r t nhi u nh ng n u ki m th o l i ta s th y không có gì xác đ ng c ví d nh ng tri giác đ u b giác quan chi ph i nên chúng có th l a đ i ta, vì th c s chúng không phù h p v i nh ng th c t i ngo i t i, nh ng tri giác ta có v chúng. C đ n nh ng hình th c t t ng c a chúng ta cũng ch là hình th c riêng c a trí năng chúng ta. Chúng l i c u k t v i nhau thành nh ng mâu thu n nan gi i. Luôn luôn quy t lý này ph n l p v i quy t lý khác. Vì v y n u mu n tri t lý, ta ph i bi t hoài nghi toàn đ i n a; hai là ph i tìm ra đ c m t căn b n đích xác tuy t đ i,

bất kháng.

Như vậy Descartes: “Tôi suy tư, vậy tôi có” là một căn bản bất kháng, khi ông khám phá thấy rằng: Mọi cái khác đều đáng phải hoài nghi cả. Ông lý luận: Đợi vậy nếu nghĩ đi u tôi biết nó u có hoàn toàn sai lầm đi nữa, nhưng sự kiện “tôi có” không tài nào và không bao giờ tôi lầm được, đều có ai cả ý đánh lừa tôi.

□□□□ Tóm lại, hoài nghi có phương pháp như vậy là để ra óc biết phê bình nếu nghĩ đi u ta biết, thì nên nó u không hoài nghi triết lý, thì không bao giờ triết lý thực thể được. Nếu nghĩ đi u cả n là phải biết hoài nghi giúp ta khám phá được căn bản bất kháng lúc nào và như thế nào?

□□□□ 3) Trong khi tìm hiểu vấn đề triết học và hoài nghi triết học để khám phá ra một căn bản bất kháng, nhưng lúc này, tôi còn bản năng triết học, chưa suy tư về thân thể, triết học cánh, triết học hạnh phúc và sự giải thoát của tôi. Trong những lúc đó tôi là một quên bản thể tôi đi, để hiểu biết những gì mới là.

□□□□ Nhưng khi nào tôi mới bắt đầu ý thức về tôi trong hoàn cảnh của tôi, thì mới sẽ thay đổi.

□□□□ Epictète, một triết gia khét tiếng đã nói: “Người nắm vững triết lý (có được) là khi ta thấy như một kẻ bất lực”. Vậy làm thế nào thoát ly được tình trạng bất lực đó? Nhà hiền triết này trả lời: “Tôi phải bỏ qua những gì tôi bất lực vì là tất nhiên không làm nổi. Ngoài ra, tôi phải thực hiện công việc dung, công hình thái của chúng để ánh sáng minh bạch và tự do”. Vậy

Thân phận con người, có phải là những hoàn cảnh gì mà nó bất lực?

Hãy chú ý tới sự phận chúng ta, sự thấy ngay rằng nó bị giam cầm trong những hoàn cảnh của nó. Hoàn cảnh này là để nó khác. Mọi công việc để là một công việc không bao giờ trở lại. Tôi, tôi có thể đến thân thể thay đổi một hoàn cảnh.

Nhưng có những hoàn cảnh thì tuy không thay đổi, tuy bên ngoài có vẻ thay đổi chút ít hay chúng không phô trương hết tầm vóc của chúng. Đó là những hoàn cảnh giới hạn bất-dịch như chết, đau khổ, chiến đấu, lệ thuộc những cảnh ngộ bất ngờ, lẩn quẩn trong xiềng xích của tội lỗi. Những hoàn cảnh nên tận dụng của cuộc đời này, ta gọi đó là những giới hạn bất-dịch, tức là những hoàn cảnh bất khả vượt và bất khả di-dịch. Ý thức về chúng là khám phá ra những nguyên sâu thẳm nhất, kích thích con người triết lý. Ý thức này có giá trị ngang hàng với những nguyên và hoài nghi nói trên. Những tháng ngày, ít khi chúng ta nghĩ tới những giới hạn này. Chúng ta nhàm mệt sống không đếm xỉa gì tới chúng, tận hưởng chúng ta không phải chết, chúng ta không tội lỗi và chúng ta không vọt vọt trôi theo số mệnh. Rồi chợt lo những chuyện trần tục mệt và nhàm mệt u sinh, chúng ta mới trừ tính công việc làm ăn mà thôi.

Ngoài ra đời với những hoàn-cảnh giới hạn bất-dịch ta lại phần nào mất cách khác: hoặc ta là chúng đi, hoặc không là chúng mà phải nhìn mất chúng thì ta thường đâm ra thất vọng rồi thì hỏi phải, nghĩa là (nhờ ý thức về giới hạn bất-dịch) ta thay đổi quan niệm về họ. Họ và do đó ta mới sống là chính ta.

- Trữn gian không có gì đáng tin cậy cả.

Có thể hiểu rõ thân phận con người hiện, nếu như nhận thức được rằng: trữn gian này không có gì đáng tin cậy cả. Khi ta không thức mà chỉ trữn gian này có lý do thì tất cả nó rồi. Nên khi vui sống, ta vui hết cả, không còn e dè chi nể, chẳng biết hi vọng gì. Còn khi đau khổ, như những cảnh bất lực, ta lại chẳng biết thất vọng, những khi giờ phút thất vọng qua đi, ta thì lãng quên rồi lại buông theo nhân lực.

Qua những biến cố trên, con người càng ngày càng thêm kinh nghiệm : bước để đi tìm thế đứng, học cách sống thiên nhiên, tận hưởng cảnh ngộ để bước vào cuộc sống.

Chỉ nhận thức thiên nhiên con người bất thiên nhiên phải về mình với sự giúp đỡ của triết học và kỹ thuật.

Tuy có chăng những đức thiên nhiên phần nào nhưng vẫn còn những bất ngờ có thể xảy ra. Mà bất ngờ còn thì nguy hiểm vẫn còn! Và nếu vậy con người vẫn nhận thất bại trên mọi bình diện: Con người vẫn phải làm ăn lam lũ, già đi, bệnh tật và chết chóc. Những căn bệnh này

không bao giờ đi t tr h t đ c. Tuy ch ng đ c thiên nhiên cũng đã đem l i ph n nào b o đ m nh ng th c ra m i gi m thi u đ c m t ph n nghìn muôn vàn b p bênh. H n n a, đ thu h p và ch m đ t mâu thu n gi a ng i v i ng i, ng i ta t ch c nh ng c ng đ ng đ t ng tr cho nhau.

Tuy nhiên v n ch a h t b p bênh: Vì công bình, t do ch có th có trong m i qu c gia là khi m i công dân bi t c x v i công dân khác, h p v i tinh th n chân th t tuy t đ i. Ch trong tr ng h p y m i ng i nh m t m i có th cùng nhau đ phòng s b t công có th x y đ n cho m i ng i. Nh ng trong th c t ch a bao gi có nh th c ! Tinh th n đoàn k t có s c thu hút r t nhi u ng i chung quanh m t nhân v t duy nh t gi a bao nhiêu đ ng lo i khác trong nh ng gi phút nghiêm tr ng, th t v ng nh t, đã ch có th có đ c trong nh ng đoàn ng i r t h n h p n i m t vài cá nhân l t . Không m t chính ph , không m t giáo h i, không m t t ch c xã h i nào có th là đ m b o tuy t đ i c . M ng đ p y ch có th x y ra t th i bình khi không có gì tr ng i c .

Sau cùng trong tr n gian này, có l còn sót l i đ c m t ít b o đ m đáng tin c y, đáng tín nhi m nh : quê h ng đ t t , cha m t tiên, anh em ch em, b n h u và ng i b n trăm năm. H n n a còn có c m t truy n th ng dài dòng nh ti ng m đ , tín ng ng, nh ng sáng tác c a t t ng gia, c a thi nhân và ngh sĩ. Nh ng t t c n n truy n th ng y đ u không đem l i m t b o đ m nào c . Nên chúng cũng không đáng tin c y. Vì th c ra chúng v n còn là nh ng công trình c a loài ng i ch ch a th y Th ng đ đ u c . Nên truy n th ng nào cũng v n còn làm ta th c m c nghĩa là trong khi h ng v truy n th ng, con ng i còn ph i tìm đ c c chính mình s b o đ m, s H u và ngh l c n i chính mình. Tóm l i, hình nh m t bàn tay vô hình mà có uy tín luôn luôn ch th cho ta r ng: Không đ c tin c y và th a m n v i th c t i tr n gian nào c . Nghĩa là bàn tay y ch cho ta m t cái gì khác ngoài tr n gian này.

- C m nghi m th t b i và b t đ u ý th c

Nh ng hoàn-c nh gi i-h n b t-d ch nh ch t b t ng , t i l i và không th tin c y th gian, t t c đ u nói lên th t b i c a tôi. V y tr c s th t b i tuy t đ i hi n nhiên, b t kháng y, tôi ph i làm gì ?

- Ch nghĩa kh c k (Stoicisme) khuyên nh con ng i hãy tr v s ng theo t do là t do t t ng. Nh ng t do t t ng cũng không đ , tri t lý kh c k đã l m. H đã không nhìn th y b t l c t n căn c a con ng i. H không nh n th y r ng t t ng còn l thu c,

vì t̄ nó t̄ t̄ ng không có n̄i dung, ph̄i căn c̄ vào m̄t cái gì khác nó. Ch̄ nghĩa kh̄ c̄ k̄ cũng đã không th̄ y r̄ng: Con nḡ i t̄ t̄ ng l̄ m khi còn có th̄ ra điên !

□□□□ N̄ u v̄ y ch̄ nghĩa kh̄ c̄ k̄ đ̄ y ta vào th̄ cô đ̄ n : T̄ do t̄ t̄ ng mà vô căn c̄ . □
đây m̄i hi v̄ ng đ̄ u tiêu tan h̄ t, vì con nḡ i không còn th̄ t̄ ý c̄ ḡ ng chī n th̄ ng đ̄ c chính mình, không còn th̄ t̄ mình hoàn toàn hi sinh vì mình b̄ ng m̄t tình yêu tha thī t và sau cùng không th̄ ch̄ đ̄ i và hi v̄ ng gì khác n̄ a.

□□□□ Nh̄ ng □□ c v̄ ng c̄ a ch̄ nghĩa kh̄ c̄ k̄ ph̄i là trī t lý m̄t cách chính đáng, nghĩa là con nḡ i ph̄i t̄ mình c̄ m nghī m đ̄ c nh̄ ng hoàn-c̄ nh gī i-h̄ n b̄ t-d̄ ch, nh̄ đ̄ y h̄ m̄ i đ̄ c thúc bách đ̄ đi tìm s̄ h̄ u trong nh̄ ng th̄ t b̄ i c̄ a h̄ . Vì kinh nghī m r̄ ng mình th̄ t b̄ i là m̄t khuȳ t đ̄ m quȳ t lī t cho m̄i con nḡ i : tuy trong th̄ c t̄ l̄ m khi con nḡ i không nhìn th̄ y th̄ t b̄ i và th̄ t b̄ i có th̄ tiêu đī t h̄ , nh̄ ng con nḡ i v̄ n có đ̄ kh̄ năng nhìn th̄ ng m̄t th̄ t b̄ i, th̄ y nó luôn luôn hī n đ̄ n là m̄t gī i h̄ n th̄ ng xuyên mà đ̄ i mình th̄ ng v̄ p ph̄i. R̄ i, m̄t là, b̄ ng nhī u gī i pháp, b̄ ng nh̄ ng tr̄ n an t̄ ng t̄ ng, h̄ ph̄ n kháng l̄ i th̄ t b̄ i; □ hai là nḡ c l̄ i , h̄ th̄ ng th̄ n đón nh̄ n th̄ t b̄ i và gī im l̄ ng đ̄ i v̄ i nh̄ ng th̄ t b̄ i

nh̄ đ̄ i v̄ i m̄t cái gì huȳ n bí không gī i nghĩa n̄ i. Tóm l̄ i, t̄ ng lai c̄ a con nḡ i tùy thū c thái đ̄ h̄ đ̄ i v̄ i th̄ t b̄ i.

□□□□ Th̄ c v̄ y, khi ch̄ m trán v̄ i nh̄ ng hoàn c̄ nh gī i h̄ n b̄ t d̄ ch, m̄t là con nḡ i b̄ t ḡ p h̄ vô, hai □□□□ là bên trên cū c đ̄ i phù vân còn linh c̄ m m̄t s̄ H̄ u tr̄ ng t̄ n th̄ c s̄ . Nên s̄ th̄ t v̄ ng (tr̄ c nh̄ ng th̄ t b̄ i) có th̄ xū t hī n □ đ̄ i này là chính bī u hī n r̄ng: Bên ngoài cū c đ̄ i còn cái gì khác. Nói khác đi, □□ c v̄ ng con nḡ i là mū n đ̄ c gī i thoát.

□□□□ Các tôn giáo th̄ gī i h̄ a h̄ n c̄ ng hī n m̄t lý thuȳ t b̄ o đ̄ m đích xác và do đó m̄t gī i thoát th̄ c s̄ . Đ̄ ng l̄ i □ y bó bū c m̄i cá nhân ph̄i t̄ hoán c̄ i. Đī u □ y trī t lý không làm đ̄ c. Nh̄ ng đúng ra trī t lý cũng nh̄ m siêu v̄ t tr̄ n gian. N̄ u v̄ y có khác gì bī n pháp gī i thoát (do tôn giáo đ̄ ng h̄) ?

- Ba ngū n sū i nguyên th̄ y và thông c̄ m.

Theo những điều u nói t đ u t i đây, ng c nhiên, hoài nghi, ý th c th t b i là ngu n su t phát sinh ra tri t lý. Trong môi tr ng c m th y b lung l c, r i h m i c m th y c n đi tìm m t h ng.

Nh s c thúc đ y c a ng c nhiên, Platon, Aristote m i đi tìm y u tính c a s H u.

Qua muôn vàn b t xác và kh nghi, Descartes m i tìm ra đ c m t chính xác b t kh nghi.

Qua muôn ngàn đau kh c a cu c đ i, các tri t gia kh c k m i đi tìm s bình an cho tâm h n.

Tuy trong l ch s nhân lo i m i l n th hi n đ i nh ng bi u th và ngôn ng khác nhau nh ng m i kinh nghi m trên đ u đích th c c . Ph i nh n th c đ c s c n thi t c a chúng trong l ch s nhân lo i ta m i đi sâu đ c t n ngu n c a chúng và m i th y chúng còn hi n di n trong ta.

Tóm l i, t t c ba c g ng tri t lý nói trên, đ u cùng chung m t m c đích là tìm cho mình m t căn b n v ng ch i, t c là s H u sâu th m và vĩnh c u

Nh ng xét cho cùng thì có l c ba ngu n su i y không m t cái nào là hoàn toàn nguyên th y và b t kh thay th h n đ c. Ví d nh khi ng c nhiên tr c s H u thì tinh th n ta có đ c nâng cao th t. Nh ng đáng t i c là vì đó con ng i l i th ng mu n thoát t c hay mi t mài v i th Siêu hình m o! R i đ n s chân xác b t kháng, nó cũng ch có giá tr cho v i c ta tìm hi u Vũ tr b ng nh ng ph ng pháp khoa h c th c nghi m thôi. Sau cùng đ n thái đ b t khu t c a kh c k cũng ch có m t giá tr t ng đ i. Vì nh ng gi phút g p tai h a hay điều đ ng hoàn toàn, lòng qu c m y cũng t ra không đ kh năng và sinh l c gi i thoát đ c ta.

Tóm l i, ng c nhiên đ đ t t i hi u bi t, hoài nghi đ đ t t i đích xác và tình tr ng c m nghi m th y mình sa đ a đ đ c gi i thoát c ba ngu n su i y v n ch a nêu đ c lí do thúc đ y ta tri t lý th i đ i ngày nay. Vì th i đ i chúng ta là th i đ i dòng l ch s đang

liên tục bất cứ đâu. Hơn nữa, thời này là thời bị ngưng chệch, thời đi đợy bẹp bênh, u uẩn không thể đoán. Tuy cả ba dòng cảm phát sinh triết lý và nói trên đều có giá trị, nhưng vẫn không đủ. Chúng còn lồng vào một điểu kiện khác là sự Thông cảm giữa người và người.

Thực vậy, trong lịch sử ngàn xưa giữa người và người đã có những phút giây liên hệ một chút như những đoàn thể người trong đó mỗi người có thể tin cậy lẫn nhau hay như những thế hệ hay như tình thân cận gần. Một con người sống lo ngại về cảm thụ được đoàn thể nâng đỡ. Nhưng ngày nay, sự liên hệ đó đã suy giảm hẳn vì càng ngày người ta càng không hiểu nhau, không tin tưởng nhau nữa. Họ gặp nhau, rồi lại **nhùng nhua tay**

như thế
đó, làm gì còn thể

hình tín, còn cảm giác nào và đáng tin cậy nữa?

Những mối đau khổ, ngày nay cũng như ngàn xưa, sự liên hệ giữa người và người vẫn là một sự cần thiết quy luật: Tôi muốn thành thế giới tìm hiểu người khác nhưng không thể, vì tín người của tôi là để ngưng chệch và một tín người khác, đang khi tôi tin chắc rằng chắc có chân lý của tôi là tuyệt đối đúng. Đón nhận, làm khi cùng đồng, chúng ta bắt buộc phải đi tranh mà không bao giờ có hi vọng hay hòa giải. Lúc này, một là phải đi hàng, hai là bắt đầu đi. Nhưng những người này, thế đồng, không có lập trường hoà giải nhau mà hoà giải trong mù quáng hay hoà giải trong chấp thách nhau.

Nhưng điểu đó không phải không đáng kể hay không quan trọng. Có thể chúng không quan trọng nếu sống cô lập. Mỗi khi đau khổ vì không thông cảm được với người khác hay mỗi khi vui sống, thế mãi mãi vì thành thế giới thông cảm được, cả hai trường hợp này điểu không có ý nghĩa gì trên bình diện triết lý nếu tôi chỉ bỏ vào quy luật của tôi và sống cô lập, khi khi tin vào chân lý của tôi. Tại sao thế? Vì “tôi chỉ sống khi sống với người khác. Một mình tôi không là gì cả!”

Nếu thông cảm không phải thông cảm bằng lý trí và lý trí hay bằng tình thân với tình thân, hiểu sinh với hiểu sinh thì với sự thông cảm này, những ý nghĩa và giá trị do những sự vật vô linh đem lại chỉ được coi là những trung gian. Ở đây, cả thái độ bị nhua cho nhau, cả thái độ tấn công nhau điểu không phải để chinh phục, chiếm thế nhưng nhau mà để gần gũi nhau.

Tóm lại, đây đều tranh là đều tranh trong tình huynh đệ. Nhưng vì a tranh đều v a tha thu n trao đ i khí gi i cho nhau. Ch trong thông c m nh th m i ch c ch n s ng th t s , vì đây con ng i t do s ng bên c nh con ng i t do, đ i p mà không h m h nhau, vì đã hoà h p v i nhau r i. Nh v y nh ng m i dây liên h v i ng i khác ch còn là nh ng con đ ng đ g n gửi nhau trong nh ng giây phút quy t li t và c hai đều đòi h i bên kia p h i nêu nh ng th c m c c t . Chính trong thông c m, m i chân lý khác m i đ c th h i n và đây tôi m i th c s là tôi, vì tôi không còn s ng h i h t mà s ng tr n ý nghĩa cu c đ i. B i Th ng đ ch th h i n ra m t cách gián ti p và cũng qua tình yêu gi a ng i v i ng i. S đích xác c nhiên có tính cách đ c thù và t ng đ i nên p h i đ c ghép vào toàn cu c.

Tóm lại, thái đ n n t ng trên đây, tôi đã trình bày theo ngôn lý thuy t nh ng nó đã b t r khi con ng i c m th y kh tâm vì không thông c m đ c v i ng i khác, và khi h c m th y c n p h i thông c m, sau cùng khi h nghi m th y r ng có th có đ c m t tranh đều huynh đệ gi a ng i v i ng i đ liên k t h l i v i nhau t n tâm can. Trị t lý này cũng do ba ngu n su i nói trên mà xu t phát. C ba ngu n su i y ch có nghĩa khi th h i n thái đ c a chúng đ i v i vi c thông c m: Ho c là chúng khích l ho c là chúng c n tr thông c m.

Tóm lại, trị t lý b t ngu n t kh năng ng c nhiên, bi t hoài nghi, bi t c m nghi m nh ng hoàn-c nh gi i-h n b t-d ch, nh ng sau cùng bao hàm đ c t c , p h i k đ n c v ng thông c m th c s . Đi u đó đã th y rõ ban đ u, vì trị t lý mu n đ c p h i n, di n t ra, đ ai ai cũng nghe và h i u đ c. Vì b n ch t trị t lý là p h i đ c truy n bá ra cho ng i khác. Đ c đ i m y p h i g n li n v i s th t c a nó. Nh thông c m, m c đích c a trị t lý m i đ t đ c vì phát kh i đây, m i ch đích khác m i có th th c h i n đ c ví nh : Tim h i u s h u, soi sáng tình yêu, g p đ c s an tĩnh hoàn b ...

BAO DUNG TH

Tình tr ng phân ly ch th và khách th.

Xin khai tri n m t t t ng khó h i u nh t, nh ng không th b qua đ c vì chính nó m i đ m l i cho p h n t nh trị t h c m t ý nghĩa chân th t. Chúng ta có th h i u t t ng y m t cách đ n gi n, nh ng suy di n nó là m t công vi c r t p h c t p. V y tôi s th phác

họ t t ng y nh sau: V n đ đ u tiên c a Tri t h c là v n đ : S h u nói chung là gì? Tho t tiên ta nh n th y muôn vàn s v t: Nh ng s v t trong th gi i h u hình, nh ng hình nh vô tri, nh ng sinh v t s ng đ ng, c m t th gi i g m nh ng gì hi n ra r i bi n m t.

Còn S h u theo tính cách h u th c s là gì? (Nghĩa là s h u ngu n su i phát sinh, t o đ ng v n s h u khác và m i s đ i u l thu c vào nó. S h u y là gì?)

Tr c v n đ này, các tri t gia đã nêu nhi u gi i đ p khác nhau, câu tr l i c nh t là câu c a nhà hi n tri t Thalès : T t c là n c, t t c đ u do n c. V sau ng i ta l i ch tr ng: T t c là l a hay không khí, hay là cái b t đ nh, v t ch t hay nguyên t . H c ng i ta còn cho r ng sinh l c là b n th đ u tiên, còn v t vô tri là cái đ c t o ra t sinh l c. H c còn nh th này: B n th đ u tiên chính là tinh th n và v n s h u khác là nh ng o nh, nh ng bi u t ng đ c bi t nó đã t o ra trong m t chiêm bao. Đó là m t chu i dài g m toàn nh ng quan ni m t ng quát đ c g i là ch nghĩa Duy v t (T t c là v t ch t và là quá trình c gi i) h c là ch nghĩa Duy linh (T t c là tinh th n) h c là V t h t thuy t (Vũ tr toàn đ i n là v t ch t bên trong có m t linh h n) v.v...

Tóm l i, đ tr l i câu h i: S h u theo tính cách h u là gì? Th c s , m i thuy t trên đ u đã ch n l y m t s đ c thù nào đó hi n có trong tr n gian, r i coi nó là ngu n su i cho v n s h u khác.

V y đâu là câu tr l i xác đ ng ?

Trong cu c tranh lu n dài hàng ngàn năm không m t h c thuy t nào bi n ch ng đ c r ng: Ch tr ng c a mình giá tr h n ch tr ng khác. M i ch tr ng đ u ch a đ ng m t ph n chân lý hay đúng h n h đã ch nêu ra đ c m t quan ni m, m t ph ng pháp s u t m đ y cách nhìn vũ tr m t cách sáng s a h n. Ngoài ra n u h c thuy t nào t coi mình là đ c nh t, r i gi i thích v n s h u b ng quan ni m căn b n mình t o ra thì h đã l m.

V y l m ch nào ? T t c h đã l m đ i m này là h đã bi n s h u thành m t h u đ i đ i n v i ch đ là tôi. Đó là m t hi n t ng căn b n trong đ i s ng tri th c c a ta. Nh ng vì nó th ng x y ra quá thành ra ta không còn th c m c, nghi v n gì v nó

n a. Nghĩa là nh^{ng} gì chúng ta suy ^đ t^{ng} tⁱ hay bàn luⁿ tⁱ toàn là nh^{ng} gì khác bi^t vⁱ ta. Chúng là nh^{ng} gì ta h^{ng} nhìn nh^m t^đ i t^{ng} khách th^đ t^{tr} c m^t chúng ta và coi chúng ta là chth. C^o khi tôi suy t^v t^đ i, tôi cũng t^đ xem nh^đ tôi là khách th^đ, t^đ c là tôi ^đ trên m^t cái gì khác tôi.

Đ^{ng} th^đ i (đⁱ diⁿ khách th^đ có bên chth th^đ), tôi hiⁿ h^u vⁱ t^đ cách tôi là tôi suy t^đ, tôi th^c hiⁿ t^đ t^{ng} đó b^{ng} chính tôi, nh^{ng} cái tôi ^đ y, tôi không th^đ quan ni^m nó gi^{ng} h^t nh^m t^đ i t^{ng}, bⁱ vì cái tôi đó là m^t đⁱ u kiⁿ tiên quy^t cho ho^t đ^{ng} khách th^đ hóa. Đó là m^t đ^c đⁱ m nⁿ t^{ng} trong đⁱ s^{ng} t^đ t^{ng}, th^{ng} đ^c gⁱ là s^đ phân ly chth và khách th^đ.

Ch^đ l^u tâm và chú ý đôi chút, cũng th^y đ^c r^{ng} luôn luôn ta t^đ t^{ng} theo s^đ phân ly ^đ y. Vì dù có đ^o lⁿ ng^c xuôi lⁱ t^đ t^{ng} c^a ta bao nhiêu, t^đ t^{ng} ^đ y vⁿ không sao thoát đ^c s^đ phân ly h^{ng} v^đ khách th^đ nói trên. Cho đ^u khách th^đ ^đ y là gì đi n^a: Ho^c là h^u do giác quan ta tri th^c hay m^t b ^đ u ni^m trí năng nh^đ các con s^đ và đ^đ hình có khi lⁱ là h^u không t^đ t^{ng} hay m^t quan ni^m hoàn toàn t^đ t^{ng} không bao gi^đ có th^đ có.

Nh^{ng} khách th^đ hiⁿ diⁿ trong ý th^c c^a ta đ^u n^m đⁱ diⁿ tr^c m^t ta, ho^c ^đ trong ho^c ^đ ngoài, nh^đ Schopenhauer đã nói: Không m^t khách th^đ nào lⁱ không có chth cũng nh^đ không m^t chth nào lⁱ không có khách th^đ.

Mⁱ khi hé nhìn vào s^đ phân ly chth khách th^đ kia, ta th^y bi^u hiⁿ m^t ý nghĩa huyⁿ bí: V^đ ý nghĩa ^đ y là gì?

Th^a chính là s^đ h^u toàn diⁿ. Nh^{ng} s^đ h^u toàn diⁿ này không phⁱ đⁱ t^đ t^{ng} khách th^đ, cũng nh^đ không phⁱ bⁿ ng^đ chth, mà phⁱ là Bao Dung th^đ hiⁿ diⁿ trong s^đ phân ly nói trên.

S^đ h^u toàn diⁿ không th^đ là đⁱ t^đ t^{ng} khách th^đ thuⁿ túy. Vì b^đ t^c nh^{ng} gì là đⁱ t^đ t^{ng} c^a tôi, thì cũng phⁱ t^đ Bao dung th^đ mà đⁿ. Đàng khác, chính tôi là chth cũng phⁱ t^đ bao dung th^đ mⁱ xu^t hiⁿ

là chth đ^c. Vì đⁱ t^đ t^{ng} khách th^đ lⁱ chính là m^t s^đ h^u đ^c thi^t đ^đ nh cho m^t

chính thức. Nhưng Bao dung thực sự không xuất hiện rõ rệt hơn ra với ý thức. Nó chỉ bừng sáng lên đúng là do những điều kiện khách thực và nó càng sáng thêm khi những điều kiện khách thực càng hiện diện rõ rệt trong ý thức.

Tóm lại, chính Bao dung thực không bao giờ trở thành khách thực mà nó chỉ xuất hiện trong sự phân ly chính thức khách thực. Bên Bao dung thực sự là một hữu thể trong tiềm thức. Hữu thể này chỉ luôn luôn đúng là lóe sáng qua sự biểu lộ của các khách thực. Những mặt khi điều kiện quan niệm và định nghĩa này vậy, mặt điều kiện khách thực khác ví dụ ngay khi quan niệm sự hữu thể quát nào bắt đầu, nó cũng phải điều kiện quan niệm điều kiện vô hạn là một điều kiện khác nó.

Như vậy, bắt đầu sự vật gì, bắt đầu nội dung thể hiện nào hay bắt đầu khách thực nào đều trải qua hai lần phân ly: Một lần phân ly với chính thức suy tư, một lần phân ly với các khách thực khác. Vì nó đã là điều kiện cho thể hiện, không bao giờ chúng có thể là một toàn diện hay một sự hữu thể toàn diện, hay cả đến một sự hữu thể sống nữa. Vì một khi bắt đầu thể hiện coi là điều kiện thì bắt đầu sự hữu thể nào cũng đứng ra ngoài Bao dung thực sự. Vì điều kiện đúng là thù và ngược lại nó vừa điều kiện với chính thức, vừa điều kiện với các điều kiện thể hiện khác.

Tóm lại, qua những điều kiện do thể hiện quan niệm và thiết định ra, Bao dung thực chỉ xuất hiện như một ký hiệu, chỉ không bao giờ ta gặp một Bao dung thực. Những thể hiện những gì chúng ta gặp, chúng ta đều gặp chúng trong bao dung thực sự.

- Ý thức về Bao dung thực và tầm quan trọng của nó.

Như nhận thức về Bao dung thực như trên có nghĩa gì? Theo phương pháp thông thường trong việc giao tiếp với sự vật thì nhận thức trên có vẻ phần tự nhiên nên cần dựa trên những tiêu chuẩn thức hiện (thực là tìm khách quan), trí óc ta sẽ chẳng điều kiện nhận thức trên. Nhưng thực sự vào tác động nhận thức của Bao dung thực, thể hiện có thể vượt qua mặt nội dung thể hiện. Vì vậy hãy xem ra không khó, những điều kiện rõ ràng! Vì tác động này không giúp ta nhận thức điều kiện một điều kiện mặt nào như một cái gì rõ ràng. Trái lại, tác động này chỉ vô hạn định sự phần tự nhiên là điều kiện điều kiện ý thức của ta điều kiện với ta thôi.

Nó không phải biểu hiện trong một mặt khách thực mặt nào và vì vậy theo ý nghĩa thông

thông qua tri thức tự nhiên, nó là một thứ gì thiêu nhi dụng. Nhưng với hình thức của nó, tác động quy mô ra những khả năng vô hạn trong đó sự Hữu thể biểu lộ ra với chúng ta. Và đáng thú vị nó biểu hiện một khả năng trên thành hữu thể minh bạch. Nó biểu hiện đến chính ý nghĩa của khách thể tính. Vì nó lay chuyển ý thức ta để ta có khả năng nhận thức được cái gì mà những hiện tượng quanh quanh đâu là sự Hữu thể đích thực.

- Nhưng hình thái Bao dung thế.

Chúng ta hãy minh họa thêm về bao dung thế. Bàn luận trực tiếp về Bao dung thế :

□□□□ Bàn luận trực tiếp về Bao dung thế là đi trực tiếp vào sự Hữu thể. Nhưng không thế, vì ta chỉ có thể bàn luận về Bao dung thế một cách gián tiếp. Vì bao giờ thì thông qua ta cũng phải thông qua bản năng để thông qua. Nhưng nếu Bao dung thế là một thông qua không khách quan, làm sao ta phải có sự di chuyển nó một cách khách quan? Ví dụ về sự phân ly chủ thể khách thể ta khai triển trên. Luôn luôn ở trong sự ly khai đó, chúng ta không thể thấy nó từ bên ngoài. Tuy nhiên lúc đó gọi tên nó, ta xem nó như một khách thể, nhưng chỉ gọi một khách thể với thôi. □ Vì sự phân ly chủ thể có trong liên quan giữa những sự vật trong trần thế, xuất hiện ra với tôi như những đối tượng khách thể. Nhưng liên quan quy trở thành một hình ảnh dùng để di chuyển cái không thể trông thấy, cái gì không phải là đối tượng.

□□□□ Với ta hãy gọi lên trong ta những gì hiện hữu trong nguôn sự của ta, để suy niệm những hình thái Bao dung thế : Sự phân ly của chủ thể khách thể hiện ra với chúng ta theo những cách thái, tùy theo tôi là trí năng động trực tiếp những thức của khách quan, hay như một sinh vật phức tạp với hoàn cảnh, hay như một hiện sinh hống về Thế giới để.

- Là trí năng, chúng ta động trực tiếp những sự vật hiện nhiên, chúng ta cũng quy trở tri thức chúng một cách chân xác, bất khả nghi. Vì thế tri thức đó bao giờ cũng như những đối tượng rõ rệt.

- Còn nếu là những sinh vật phức tạp với hoàn cảnh, chúng ta lại thu được những sự vật ta tri giác. Đối tượng tri giác quy sự thức hữu, nếu ta sống nó bằng kinh nghiệm bản thân của ta. Và thức của quy không thể bị giới hạn vào một nhận thức thông quát nào cả.

Còn như Hiện sinh, chúng ta lại liên quan với Thiên chúa hay Thế giới để, Động siêu việt,

và đ̣c th̄ là nh̄ tīng nói do các s̄ v̄t đã tr̄ thành t̄ng s̄ hay bīu tr̄ng. Vì v̄i trí năng hay v̄i c̄m giác c̄a ta, ý nghĩa t̄ng s̄ trên không có n̄i dung khách quan nào c̄.

- Th̄ng đ̄ ch̄ th̄ c h̄u khách quan đ̄i v̄i chúng ta khi chúng ta là Hīn sinh. Vì hīn h̄u c̄a Ngài thūc nh̄ng vīn t̄ng khác bīt h̄n v̄i nh̄ng đ̄i t̄ng v̄t ch̄t thūc trí năng hay c̄m giác.

Nh̄ v̄y m̄t khi tìm cách th̄u hīu Bao dung th̄, chúng ta th̄y nó phân chia ra thành nhīu hình thái khác nhau, vì con nḡi có th̄ b̄ Bao dung th̄ chi ph̄i b̄ng nhīu cách.

Căn c̄ vào th̄ th̄ c phân ly ch̄ th̄ khách th̄ nh̄ s̄i dây chuȳn, chúng ta có th̄ phân Bao dung th̄ theo m̄y hình thái sau đây:

i. Là Trí năng t̄c ý th̄ c ph̄ quát ai ai trong chúng ta cũng đ̄u gīng nhau c̄.

ii. Là ch̄ th̄ sinh t̄n, m̄i nḡi chúng ta đã thành m̄t cá tính đ̄c thù.

iii. Là Hīn sinh, m̄i nḡi m̄i th̄ c s̄ hīn h̄u là mình trong s̄ tính riêng t̄ c̄a mình.

Đ̄n đây tôi thú nh̄n không th̄ trình bày ý nīm v̄n t̄t h̄n n̄a, ch̄ xin tóm l̄c nh̄ sau: đ̄c quan nīm chính là s̄ H̄u, Bao dung th̄ mang tên là Siêu vīt th̄ (Thiên chúa, th̄ng đ̄) hay vũ tr̄. Còn khi đ̄c quan nīm theo s̄ h̄u c̄a chúng ta thì Bao dung th̄ mang l̄i tên là Ch̄ th̄ sinh t̄n, Ý th̄ c ph̄ quát và Tinh th̄n.

- Ý nghĩa c̄a huȳn nīm.

Độc giả lý trí theo Bao dung thì vấn đề trình bày là một độc giả lý căn bản. Như đó, ta mới biết bản đức những lý trí những bản đức và những khách quan lý như chính sự Hữu.

Và cũng như lý trí theo Bao dung thì, bây giờ ta mới hiểu được ý nghĩa của Huy niệm. Từ ngàn xưa, ở Trung hoa, ở Ấn Độ và ở Tây phương biết bao triết gia đã phát biểu một số quan niệm triết lý nhau khác nhau và trong mỗi thời gian, tuy cách diễn đạt có khác nhau. Họ nói: Con người có khả năng vượt lên sự phân ly chính thức và khách thể để tiến tới trình độ đồng hóa hai bên với nhau. Như thế, khách thể cũng biến đổi và chính thức cũng biến đổi hút. Lúc này là lúc sự Hữu tuy tiến tới mới xuất hiện trong con người. Rồi khi con người thức tỉnh, sự Hữu đó còn ghi lại trong ý thức họ với tích một ý nghĩa gì sâu thẳm và bất tận vượt trên mỗi ý nghĩa khác. Nhưng ai đã trải qua kinh nghiệm đó, sẽ đồng nghĩa nhất chính thức khách thể kia chính là sự thức tỉnh. Còn nếu chúng ta tình trạng phân ly thì phải gọi là một giác ngộ mê man.

Chính Plotin một triết gia thần bí danh tiếng nhất của Tây phương đã mô tả kinh nghiệm này như sau: “Đôi khi thoát khỏi xác ngài người và thức tỉnh lại trong bản ngã, tôi được thấy lóe sáng một vẻ đẹp phi thường. Chính những lúc này tôi mới tin chắc được rằng: Tôi sống một thế giới tối đẹp và cao cả hơn. Rồi tôi còn thấy trào vọt lên trong tôi một sức mạnh mới bất tận, vô cùng huy hoàng. Nhưng lúc này tôi cảm thấy như đã được đồng hóa với Thế giới đẹp rồi”.

Như thế, không còn ai nghĩ về đức hạnh: Không thể có kinh nghiệm Huy niệm và cũng không thể nghĩ về sự kiện sau đây nữa là (sau khi trải qua những kinh nghiệm Huy niệm như vậy rồi) có dùng ngôn ngữ nào đi nữa, nhà Huy niệm cũng không bao giờ diễn đạt nổi những hiểu đã chiêm nghiệm. Vì những bí nhiệm này không thể mô tả được. Ở đây, nhà Huy niệm như biến chuyển trong Bao dung thì. Vì những gì diễn đạt ra được đều biến mất trong phân ly chính thức khách thể. Nên dù ý thức con người thông thường còn muốn minh giải để đi nữa, cũng không bao giờ bắt gặp được nguần suối vô tận này. Nhưng khi nào! khi muốn diễn đạt, ta chỉ diễn đạt được những gì có tính cách diễn đạt khách quan mà thôi. Ngoài ra những gì không thành khách thể lại không thể diễn đạt. Đó là những gì không thành khách thể lại không thể diễn đạt. Đó là những gì còn sót lại (bất khả diễn đạt). Nhưng chính chúng lại nằm ở nòng sau mỗi triết lý mà ta gọi là Siêu hình. Chính chúng còn đem lại cho những triết lý Siêu hình trên uy lực và ý nghĩa của chúng nữa.

- Siêu hình, một thứ bản viết bản những sự.

Hơn nữa, để ứng dụng lý thuyết theo bao dung thì còn giúp chúng ta hiểu rành mạch hơn để có những hiểu biết và Siêu hình học có tính tận gốc, như Siêu hình học của Plato, viết chặt, tinh thần, biến hành toàn diện... Những những những những sáng nghĩ ra các Siêu hình học để coi chúng như những lý thuyết có thể mang lại những triết lý khách quan. Những xét theo khía cạnh khách quan thì hoàn toàn sai. Trái lại, phải biết rằng: Những Siêu hình học mang một ý nghĩa khác, nghĩa là chúng chỉ là những Những sự diễn tiến của Họ. Vì vậy, một khi đã dùng Những sự trình bày một Bao dung thì để soi sáng sự hiểu của mình và sự Hiểu về thế giới, triết gia để ứng dụng mà coi nó là một triết lý khách quan nào có thể để ứng dụng đóng vai sự Hiểu về thế giới.

..... Những khi những những, ta hoạt động giữa những hiện tượng trên gian này, một ý thức để có rằng : Sự Hiểu về thế giới không thể

bắt gặp được trong sự Hiểu khách quan, vì sự thế giới không thể bắt gặp được trong những khuôn khổ của vũ trụ vì những khuôn khổ này như bé, mà để chúng có bao hàm tất cả vạn vật. Trái lại, sự Hiểu về thế giới chỉ bắt gặp được trong Bao dung thì, bên kia mặt khách thể và mặt khuôn khổ; bên kia mặt

phân ly chủ thể và khách thể.

..... Tóm lại, khi nào đã thông thạo để ứng dụng lý thuyết theo Bao dung thì rồi, chúng ta sẽ thấy những Siêu hình trên sự trình bày. Cùng với chúng cũng sẽ sự trình bày những nguyên lý nào trình bày mang lại để có một triết lý về Họ, trong khi để cao và quan trọng hóa những sự Hiểu để có thù.

..... Những để sao, những học thuyết này và là những ngôn ngữ để biết khi để giúp ta vượt mặt sự hiểu về những những những và khuôn khổ chung, thế là vượt mặt hình thức bên ngoài để nhìn để có thế giới. Thế vì vậy, ngoài trình kinh nghiệm Huylenius, là kinh nghiệm để bắt khi diễn tiến, còn mặt khi muốn để để có mặt đích nói trên (là vượt mặt hình thức khách thể để nhìn sự Hiểu về thế giới), ta không để có lý khai về sự hiểu để. Trái lại, phải biết rằng trong trình gian, thế là phải sự để ứng dụng để biết khách quan vì chỉ có đó, ý thức chúng ta mặt sáng sự. Vì chỉ chính có đó, ý thức chúng ta mặt cảm nghiệm để có những giới hạn của mình và những gì qua kinh nghiệm này mặt sự hiểu ra về ý thức. Do đó, ý thức mặt bắt gặp được thế chỉ của mình. Tuy nhiên trình, ta vượt qua để có mặt khách thể rồi, những ta vẫn còn để thu những để hiểu khách thể tính. Chỉ khi ta nhìn thế để có ngoại cảnh (khách quan) rồi, ta vẫn còn bề rành bề trong đó.

..... Tuy nhiên Siêu hình học của ta nhận thức để có hình thái Bao dung thì, Siêu việt và

Không nhò ng phò i thò hiò n trong sò phò n ly chò thò khách thò , sò Hò u tò tò i còn phò i hiò n diò n trong tâm hò n ta nò a, nò u nó muò n thò c hò u đò i vò i ta. Vì vò y ta cò n phò i sáng suò t! Nghĩa là nhò ng gì còn u uò n phò i đò c lý hò i theo mò t hình thò c khách quan và cò n cò vào yò u tính cò a bò n ngò ã ãng hoàn thành. Sò hò u tò tò i, cò n bò n phò biò n, tuyò t đò i thò , phò i hiò n ra khách quan trò c mò t ta, đò u đò i mò t hình thò c bò t toàn theo tò cách là khách thò . Nhò ng hình thò c khách quan bò t toàn ò y phò i tò tiêu đò i t ãi, và trong khi tiêu đò i t phò i đò trong ta ánh sáng huy hoàng cò a Bao dung thò .

- Tình trò ng Hò vô và phò c sinh.

Tóm lò i, nhò ý thò c vò tình trò ng phò n ly chò thò khách thò nhò đò u kiò n cò n bò n cho tò tò ng và do đó nhò ý thò c vò Bao dung thò qua sò phò n ly nói trên, chúng ta mò i thò c sò tò do triò t lý.

Vi đò ng lò i suy tò trên mò i gò ta thoát khò i mò i hình ò nh đò c thù. Nó bó buò c chúng ta không còn đò c ãi vào nhò ng con đò ng bò tò c mà tri thò c khách quan cò đò nh muò n giò m giò a chúng ta. Nói tóm lò i, đò ng lò i suy tò ò y hoán cò i toàn diò n con ngò i ta.

Thò y thò , có ngò i sò cho rò ng: nò u ãnh mò t giá trò tuyò t đò i cò a vò n vò t và khách quan tính cò a tri thò c là mò t tò t cò . Nhò thò là sa lò y vào tình trò ng Hò vô. Nhò ng, tò ãây trò ãi, nhò ng gì đò c thiò t đò nh và chò ng minh rõ rò t bò ng ngôn ngò và biò u thò khách quan đò u không thò tò hào có giá trò chân thò c tuyò t đò i nò a.

Nhò ng đò ng lò i suy tò triò t lý cò a ta phò i ãi qua con đò ng Hò vô ò y, và chính nó lò i giò i thoát ta vò n lên đò c sò Hò u thò c sò . Vì nhò cò gò ng triò t lý ta mò i phò c sinh đò c ta bò n chò t cò a ta. Nhò đò y sò phát triò n lên trong ta ý nghĩa và giá trò tò ng đò i cò a mò i sò hò u hò n. Rò i ta mò i biò t chò c chò n rò ng : nhò ng đò ng lò i cò a ta bó buò c phò i ãi qua đó; nhò ng chính ò đó, đò ng thò i cũ ng mò ra cho ta mò t ánh sáng sâu xa giúp chúng ta tò do xò sò vò i chúng.

(còn tiếp)